CÔNG TY CỔ PHẦN NHỰA TÂN ĐẠI HƯNG

BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN
NĂM 2010

Tên Công ty

- *Tên tiếng Việt*: **CÔNG TY CỔ PHẦN NHỰA TÂN ĐẠI HƯNG.**
- *Tên tiếng Anh*: **TAN DAI HUNG PLASTIC JOINT STOCK COMPANY.**
- *Tên giao dịch*: **TAN DAI HUNG PLASTIC JOINT STOCK COMPANY.**
- *Tên viết tắt*: **TAN DAI HUNG PLASTIC J.S. CO.,**

Trụ sở Công ty:

- *Địa chỉ:* **414 Lầu 5, Lũy Bán Bích, P.Hòa Thạnh, Q.Tân Phú, TPHCM.**
- *Điện thoại:* **(08) 3 9737 277 – 39 737 278**
- *Fax:* **(08) 3 9737 276 – 39 737 279**
- *Website:* **http://www.tandaihungplastic.com**
- *Email:* **daihungplastic@hcm.vnn.vn**

MỤC LỤC BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN NĂM 2010

Stt	Tiêu đề	Từ trang
I	TÓM LƯỢC VỀ CÔNG TY- MỤC TIÊU VÀ CHIẾN LƯỢC PHÁTTRIỂN	3
1	NHỮNG SỰ KIỆN QUAN TRỌNG	3
1.1.	*Quá trình thành lập*	3
1.2.	*Chuyển đổi sở hữu thành công ty cổ phần và tăng vốn điều lệ*	3
1.3.	*Niêm yết*	3
1.4.	*Các sự kiện khác*	3
2	QÚA TRÌNH PHÁT TRIỂN	4
2.1.	*Ngành nghề kinh doanh*	4
2.2.	*Sứ Mạng Công ty Cổ Phần Nhựa Tân Đại Hưng*	4
2.3	*Tình hình và kết quả hoạt động năm 2010*	4
2.2.1.	*Đặc điểm môi trường kinh doanh năm 2010, khó khăn và thuận lợi*	4
2.2.2.	*Kết quả thực hiện các chỉ tiêu chủ yếu năm 2010*	4
3	ĐỊNH HƯỚNG PHÁT TRIỂN	5
3.1.	*Các mục tiêu chủ yếu của Công ty năm 2011*	5
3.1.1.	*Nhận định và dự báo ngắn hạn về môi trường kinh doanh*	5
3.1.2.	*Định hướng hoạt động năm 2011*	5
3.1.2.	*Những chỉ tiêu chủ yếu của kế hoạch hoạt động năm 2011, kế hoạch tài chính 2011.*	6
3.3.	*Chiến lược phát triển trung và dài hạn*	7
II	BÁO CÁO CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ	8
1	NHỮNG NÉT NỔI BẬT CỦA KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG NĂM 2009	8
2	QUẢN TRỊ RỦI RO	8
3	NHỮNG THAY ĐỔI CHỦ YẾU TRONG NĂM	9
4	TRIỂN VỌNG VÀ KẾ HOẠCH TRONG TƯƠNG LAI	9
III	BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC	10
1	BÁO CÁO TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH	10
1.1.	*Khả năng sinh lời, khả năng thanh toán*	10
1.2.	*Những thay đổi lớn so với dự kiến và nguyên nhân*	10
2	KẾT QUẢ ĐIỀU HÀNH HOẠT ĐỘNG SẢN XUẤT KINH DOANH 2010	11
2.1.	*Hoạt động Tiếp thị & Bán hàng*	11
2.2.	*Hoạt động Cung Ứng & Gia công*	11
2.3.	*Hoạt động Công nghệ, R&D và đảm bảo chất lượng*	12
2.4.	*Hoạt độngquản lý MMTB, vật tư kỹ thuật và năng lượng*	12
2.5.	*Hoạt động điều độ sản xuất*	13
2.6.	*Hoạt động quản lý nguồn nhân lực*	13
2.7.	*Hoạt động quản lý hành chính*	13
3	NHỮNG TIẾN BỘ CÔNG TY ĐÃ ĐẠT ĐƯỢC	14
3.1.	*Những cải tiến về cơ cấu tổ chức, chính sách, quản lý*	14
3.2.	*Các biện pháp kiểm soát*	14
IV	BÁO CÁO TÀI CHÍNH 2010	15
1	BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT	15
2	BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT	17
3	BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT	18
V	BẢN GIẢI TRÌNH BÁO CÁO TÀI CHÍNH VÀ BÁO CÁO KIỂM TOÁN 2010	19
1	KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP, CHỨNG THƯ (báo cáo) KIỂM TOÁN	19
2	KIỂM TOÁN NỘI BỘ, BÁO CÁO CỦA BAN KIỂM SOÁT NĂM 2010	20
VI	CÔNG TY CON VÀ CÔNG TY CÓ LIÊN QUAN	22
VII	TỔ CHỨC VÀ NHÂN SỰ	22
1	CƠ CẤU TỔ CHỨC	22
2	SỐ LƯỢNG CBNV VÀ CHÍNH SÁCH ĐỐI VỚI NGƯỜI LAO ĐỘNG	22
3	TÓM TẮT LÝ LỊCH CỦA BAN GIÁM ĐỐC	23
4	THAY ĐỔI NHÂN SỰ TRONG BAN GIÁM ĐỐC	23
5	SỞ HỮU CỔ PHẦN CỦA BAN GIÁM ĐỐC	23
VIII	THÔNG TIN CỔ ĐÔNG VÀ QUẢN TRỊ CÔNG TY	24
1	THÔNG TIN LIÊN QUAN ĐẾN HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN KIỂM SOÁT	24
1.1	*Tóm tắt lý lịch cá nhân của HĐQT và BKS*	24
1.2	*Những thay đổi nhân sự của HĐQT và BKS*	24
1.3	*Thù lao của thành viên HĐQT và BKS*	24
1.4	*Tỷ lệ sở hữu cổ phần và những thay đổi trong tỷ lệ nắm giữ của thành viên HĐQT và KKS*	24
2	HOẠT ĐỘNG CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN KIỂM SOÁT	25
2.1.	*Tóm lược hoạt động của HĐQT trong năm 2010*	25
2.2.	*Kế hoạch để tăng cường hiệu quả quản trị trong thời gian tới*	25
2.3.	*Số lượng thành viên HĐQT, BKS, BGĐ đã có chứng chỉ về đào tạo quản trị công ty*	25
2	CÁC DỮ LIỆU THỐNG KÊ VỀ CỔ ĐÔNG	26
2.1.	*Thông tin chi tiết về cơ cấu cổ đông*	26
2.2	*Các cổ đông lớn của công ty*	26
2.2.	*Tình hình giao dịch liên quan của các cổ đông lớn*	26
IX	THÔNG TIN KHÁC	26
1	NHỮNG HOẠT ĐỘNG TỪ THIỆN	26
2	NHỮNG HOẠT ĐỘNG BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG	26
3	NHỮNG HOẠT ĐỘNG ĐỐI NGOẠI VỚI NHÀ ĐẦU TƯ	27

I. TÓM LƯỢC VỀ CÔNG TY - MỤC TIÊU VÀ CHIẾN LƯỢC PHÁT TRIỂN

1. NHỮNG SỰ KIỆN QUAN TRỌNG:

1.1. QUÁ TRÌNH THÀNH LẬP:

- Công ty Tân Đại Hưng thành lập năm 1984 từ một cơ sở sản xuất tư nhân nhỏ, chuyên sản xuất bao bì PP tái sinh cung cấp cho các nhà máy hóa chất, phân bón tại thị trường TPHCM và khu vực lân cận.
- Từ năm 1990 – 1994: chuyển thành Công ty TNHH Tân Đại Hưng, đổi từ công nghệ dệt phẳng sang dệt tròn. Cuối năm 1994, hoàn thành việc đổi mới máy móc thiết bị và trở thành nhà cung cấp bao bì PP lớn nhất cho các công ty xuất nhập khẩu gạo, các công ty nhập và đóng gói bao phân bón tại cảng Sài Gòn.
- Năm 1997: xây dựng xong nhà máy mới tại số 373C Nguyễn Sơn, Q.Tân Bình, TPHCM, bắt đầu tiếp cận thị trường Châu Âu, đây là bước đột phá quan trọng trong chiến lược phát triển kinh doanh của Công ty.

1.2. CHUYỂN ĐỔI SỞ HỮU THÀNH CÔNG TY CỔ PHẦN VÀ TĂNG VỐN ĐIỀU LỆ:

- Năm 2001: chuyển thành Công ty cổ phần Nhựa Tân Đại Hưng, vốn điều lệ 20.000.000.000 đồng.
- Năm 2003: tăng vốn điều lệ lên 28.600.000.000 đồng.
- Tháng 6/2005: chuyển dần nhà máy về Cụm Công nghiệp Nhựa Đức Hòa, Long An; đầu tư thêm thiết bị, nghiên cứu phát triển sản phẩm mới để tăng sản lượng xuất khẩu sản phẩm vào các thị trường Châu Âu, Mỹ, Canada.
- Đầu năm 2006: tăng vốn điều lệ lên 45.000.000.000 đồng. Tháng 7/2006, hoàn tất việc di dời nhà máy về Cụm Công nghiệp Nhựa Đức Hòa, Long An (Công ty TNHH TĐH).
- Tháng 5/2007: tăng vốn điều lệ lên 104.000.000.000 đồng, tiếp tục đầu tư thêm thiết bị sản xuất, tăng cường xuất khẩu bao bì PP, vải địa kỹ thuật, vải phủ nông nghiệp sản phẩm vào thị trường Mỹ, Canada.
- Từ 28/9/2008: tăng vốn điều lệ từ 104 tỷ đồng thành 205.460.000.000 đồng.
- Từ 23/08/2010: tăng vốn điều lệ từ 205.460.000.000 tỷ đồng thành 244.305.960.000 đồng.

1.3. NIÊM YẾT:

- Từ ngày 28/11/2007: công ty cổ phần Nhựa Tân Đại Hưng chính thức giao dịch 10,400,000 cổ phiếu tại Sở Giao Dịch Chứng Khoán TPHCM, theo quyết định số: 149/QĐ-SGDCK ngày 20/11/2007.
- Từ ngày 30/09/2008: niêm yết bổ sung 10,146,000 cổ phiếu theo quyết định số 107/QĐ-SGDHCM ngày 30/09/2008.
- Từ ngày 20/08/2010: niêm yết bổ sung 3.884.596 cổ phiếu thưởng theo quyết định số 167/QĐ-SGDHCM của Sở giao dịch Chứng khoán TP.Hồ chí Minh ngày 11/08/2010.
- Loại chứng khoán: Cổ phiếu phổ thông.
- Mã chứng khoán: TPC.
- Mệnh giá: 10.000 đồng/cổ phiếu.
- Số lượng cổ phiếu đã phát hành: 24,430,596 cổ phiếu
  - ✓ Số lượng cổ phiếu đang lưu hành: 21,268,956 cổ phiếu
  - ✓ Số lượng cổ phiếu quỹ: 3.161.640 cổ phiếu

1.4. CÁC SỰ KIỆN KHÁC:

- Từ năm 2003: áp dụng hệ thống ISO 9001:2000, nâng cấp thành ISO 9001:2008 trong năm 2009.
- Ngày 27/2/2007: được tổ chức TZU của Châu Âu đánh giá cấp "Chứng nhận đạt các yêu cầu về kiểm soát sản xuất tại nhà máy".
- Từ năm 2007: đầu tư dài hạn vào các dự án để tăng hiệu quả sử dụng nguồn vốn:
- Tháng 5/2009: được khách hàng tổ chức đánh giá công nhận đạt các tiêu chuẩn bộ luật ứng xử "BSCI" và đạt yêu cầu hệ thống quản lý vật liệu an toàn "MSDS".
- Từ Năm 2003-2009: được Bộ Công Thương *(trước đây là Bộ Thương Mại)* xét tặng danh hiệu "Doanh Nghiệp Xuất Khẩu Uy Tín".

2. QUÁ TRÌNH PHÁT TRIỂN:

2.1. NGÀNH NGHỀ KINH DOANH:

- Sản xuất, mua bán bao bì nhựa PP, PE, PET.
- Sản xuất, chế biến sản phẩm cao su.
- Mua bán sản phẩm nhựa, nguyên liệu nhựa, bột màu, máy móc thiết bị và phụ tùng ngành công nông lâm ngư nghiệp.

2.2. SỨ MẠNG CÔNG TY CỔ PHẦN NHỰA TÂN ĐẠI HƯNG:

***"Trở Thành Một Trong Những Công Ty Thành Công Hàng Đầu Trong Ngành Bao Bì PP Và PE Tại Việt Nam Và Châu Á "*.**

Thông qua:

- Hình ảnh công ty và thương hiệu sản phẩm: ***Danh tiếng và Tin cậy.***
- Nguồn nhân lực: ***Chuyên Nghiệp.***
- Sản phẩm: ***Chất lượng, Lợi ích cho Khách hàng.***
- Giao nhận và Phân phối: ***Kịp thời, Hiệu quả.***
- Giá cả ***"Cạnh tranh"*** và phương thức thanh toán ***"Theo thỏa thuận"***.

Tôn chỉ hành động của CBNV và Công Nhân Công Ty Cổ Phần Nhựa Tân Đại Hưng:
"Suy nghĩ và hành động hiệu quả để đạt được sự hài lòng cao nhất của khách hàng"

2.3. TÌNH HÌNH VÀ KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG NĂM 2010:

2.3.1. Đặc điểm môi trường kinh doanh năm 2010:

Quốc Tế:

- Thị trường và kinh tế thế giới vẫn đang trong thời kỳ "hậu" suy giảm kinh tế và khủng hoảng tài chính thế giới, nền kinh tế Mỹ phục hồi chậm, thị trường Châu Âu bộc lộ và đang lây lan ảnh hưởng từ khủng hoảng nợ công tại Hy lạp. Thị trường tiền tệ diễn biến phức tạp và có những thời điểm căng thẳng, quan hệ tỷ giá giữa các đồng tiền của các nền kinh tế lớn đã phản ánh xu hướng cực đoan của chính sách mỗi quốc gia, các nước chưa thể tìm ra được cơ chế kiểm soát tiền tệ quốc tế được sự đồng thuận và phòng tránh rủi ro chung; đồng USD tiếp tục chính sách giảm giá; giá dầu tăng dần và giá vàng tăng đột biến; đồng Euro mất giá; đồng Nhân dân tệ được điều chỉnh nhưng mức tăng không đáng kể và ngày càng có tác động quan trọng hơn.

Tại Việt Nam:

- Suy thóai kinh tế VN đã được ngăn chặn, thị trường nội địa và các doanh nghiệp bắt đầu phục hồi nhưng nhập siêu ở mức cao. Lạm phát được "kiềm chế" trong giai đoạn đầu năm nhưng vật giá bắt đầu tăng nhanh từ quí III, tiềm tàng nguy cơ lạm phát phi mã. Tỷ giá USD/VNĐ đã được điều chỉnh tăng nhẹ, tái diễn tình trạng lệch lớn giữa tỷ giá chính thức với giao dịch tự do từ quí IV-2010, lãi suất huy động và cho vay tăng mạnh từ cuối năm. Giá nguyên phụ liệu tăng dần đến mức hơn 25% so với cuối năm 2009.
- Thị trường chứng khoán có khối lượng giao dịch tăng trong quí I, nhưng suy giảm dần đến cuối quí III-2010 do kinh tế và TTCK thế giới bấp bênh, do môi trường vĩ mô không ổn định và các chính sách tiền tệ nội địa chưa hiệu quả, và còn do những tác động đầu cơ làm giá trên thị trường, làm nhà đầu tư chuyển dòng tiền sang kênh khác hấp dẫn hơn trong khi lượng cổ phiếu mới đưa vào ngày càng nhiều. Với vai trò là "phong vũ biểu", các chỉ số TTCK Việt Nam cho thấy dù nền kinh tế VN đang hồi phục nhưng còn nhiều bất ổn. Các chỉ số TTCK cuối năm chỉ gần khôi phục lại giá trị khởi đầu của 2010.

Những khó khăn thách thức:

- Sau 04 năm gia nhập WTO, ngành nhựa Việt Nam hầu như không hưởng thêm lợi ích mới; ngược lại phải đương đầu với những cạnh tranh khốc liệt, ngày càng nhiều chiêu thức bảo hộ dưới dạng các "rào cản kỹ thuật". Thị trường xuất khẩu của công ty gặp rất nhiều khó khăn, diễn ra sự cạnh tranh quyết liệt về kiểu dáng & chất lượng sản phẩm và dịch vụ. Các khách hàng đều có những khó khăn nhất định, ẩn chứa rủi ro trong thanh toán.
- Ngành nhựa Việt Nam vẫn chưa được giải quyết cho nhập và sử dụng nhựa đã tái chế để giảm giá thành; tất cả chi phí đầu vào của sản xuất đều tăng, trong cùng loại sản phẩm thì giá vốn hàng bán đã tăng hơn +10% so với cuối năm 2009, tỷ suất lợi nhuận trên vốn và doanh thu đều giảm *dần (là đặc điểm chung của ngành nhựa nhưng đột biến trong tình hình suy giảm kinh tế),* vòng quay vốn chậm.
- Cạnh tranh ngày càng quyết liệt, đặc biệt về giá cả *(có những đối thủ cạnh tranh bán dưới giá thành để duy trì hoạt động và dành khách hàng).*
- Dịch chuyển lao động từ các trung tâm kinh tế về các tỉnh, khó tuyển bổ sung được lao động tại các khu vực kinh tế trung tâm, nhất là lao động có trình độ chuyên mô và tay nghề. Nguồn điện quốc gia thiếu hụt.

Những thuận lợi:

- Công ty có Thương hiệu tốt và hình ảnh được khách hàng nhận biết.
- Các khách hàng chủ lực và truyền thống tuy gặp khó khăn nhưng phần lớn vẫn đặt hàng liên tục, công ty có hệ thống vệ tinh lớn và hợp tác hiệu quả.
- Khả năng tài chính mạnh, cho phép tồn kho nguyên liệu khối lượng lớn, hạn chế được tác động của tăng giá nguyên liệu đột biến.
- Duy trì được đội ngũ cán bộ và công nhân nòng cốt có tâm huyết, trách nhiệm, năng lực và trung thành.
- Phát huy được hiệu quả liên kết với các dự án đầu tư trong cung ứng nguyên liệu và tái sinh nguyên liệu.

2.3.2. Kết quả thực hiện các chỉ tiêu chủ yếu năm 2010:

- ***Sản lượng bao bì:*** ***7.751 tấn , đạt 117,4% kế hoạch năm 2010.***
- ***Doanh thu:*** ***447 tỷ đồng.***
  Trong đó: doanh thu SXKD bao bì: ***350 tỷ đạt 135% kế hoạch năm 2010.***
- ***Lợi nhuận sau thuế:*** ***38,3 tỷ đồng, đạt 166% kế hoạch năm 2010***

(Đề nghị xem chi tiết trong các báo cáo tài chính năm 2010 đã kiểm toán bởi công ty kiểm tóan A&C)

Các Kết quả khác:

- ***Được Bộ Công Thương tặng danh hiệu "Doanh Nghiệp Xuất Khẩu Uy Tín" năm 2009 (đạt liên tục từ năm 2003 đến nay***
- ***Được Hiệp Hội Khoa Học và Kỹ Thuật TPHCM tặng Giấy Khen "thành tích xuất sắc năm 2010".***
- ***Đạt mục tiêu giảm hơn 10% phế liệu so với năm 2009.***
- ***Không có trường hợp khách hàng khiếu nại về chất lượng sản phẩm hoặc hàng bị trả lại hoặc phải bồi thường do lỗi nghiêm trọng.***
- ***Không có trường hợp giao hàng trễ bị khách hàng chế tài theo hợp đồng đã ký.***
- ***Thu nhập của CBNVCN tăng hơn 20% so với năm 2009.***

3. ĐỊNH HƯỚNG PHÁT TRIỂN:

3.1. CÁC MỤC TIÊU CHỦ YẾU CỦA CÔNG TY NĂM 2011:

3.1.1. Nhận định và dự báo ngắn hạn về môi trường kinh doanh:

- Giá nguyên liệu tiếp tục tăng, chi phí sản xuất & giá thành sẽ tiếp tục tăng dần *(có thể tăng hơn 10% so với 2010)*. Nguồn điện sẽ thiếu hụt nghiêm trọng từ cuối qúi I-2011.
- Cạnh tranh khốc liệt về giá cả, chất lượng, thời hạn giao hàng; thị trường xuất khẩu sẽ khó khăn hơn, các nước nhập khẩu sẽ tiếp tục áp dụng nhiều "rào cản kỹ thuật" để bảo hộ hàng nội địa, kể cả áp đặt các biện pháp "chống bán phá giá".
- Chính sách kinh tế và tiền tệ quốc gia sẽ theo hướng duy trì an sinh xã hội, kiềm chế lạm phát, khuyến khích xuất khẩu và giảm nhập siêu. Tỷ giá USD chính thức sẽ được điều chỉnh tăng.
- Thị trường chứng khoán được kiểm soát chặt chẽ và ổn định hơn, việc tăng trưởng sẽ phụ thuộc vào chính sách nhà nước nhưng mức tăng sẽ không nhanh mạnh và nóng.

3.1.2. Định hướng hoạt động năm 2011:

- Tiếp thị hiệu quả với giá bán cạnh tranh để có đầy đủ các đơn hàng trên cơ sở ưu tiên xuất khẩu và chọn lựa các khách hàng/đơn hàng nội địa có hiệu quả nhất để sản xuất. Chọn hãng tàu phù hợp để tiết kiệm chi phí vận chuyển. Thực hiện chế độ ESD cho xuất khẩu hàng hóa vào châu Âu từ 01/01/2011.
- Kiểm soát chặt chẽ để tiết kiệm vật tư nhiên liệu năng lượng, chống mọi biểu hiện lãng phí; thực hiện đồng bộ chương trình giảm phế liệu & chống sót lỗi hiệu quả - tập trung vào một số khâu then chốt.
- Tiếp tục sử dụng các loại nguyên liệu *(chính phẩm và tái sinh),* phụ gia một cách hiệu quả để giảm chi phí sản xuất mà vẫn bảo đảm các thông số kỹ thuật & chất lượng sản phẩm, kiểm soát chặt chẽ chất lượng cung cấp nguyên phụ liệu và vật tư kỹ thuật đầu vào, các định mức sử dụng vật tư sản xuất.
- Duy trì hệ thống vệ tinh gia công để bảo đảm khai thác năng lực bên ngoài, kết hợp với việc hỗ trợ quản lý của các cơ sở, tăng cường các nguồn lực để kiểm tra kiểm soát đặc biệt chất lượng sản phẩm gia công.
- Kiểm soát chặt hoạt động cung ứng và có những biện pháp hợp lý về giá cả và khối lượng mua nguyên phụ liệu trong tình hình thị giá nguyên liệu tăng và thay đổi nhanh theo tỷ giá USD, không để xảy ra tình trạng giá bình quân tồn kho cao hơn thị trường kể cả những khi thị giá có giảm đột biến.

- Chú trọng quản trị rủi ro tài chính, đặc biệt về công nợ khách hàng châu Âu; kiểm soát tốt dòng tiền và chuẩn bị sẵn nguồn để chi trả cổ tức 2010. Theo dõi xu hướng tỷ giá để khai thác lợi thế của nguồn thu USD từ bán hàng. Thường xuyên rà soát giá thành thực tế để có những chọn lựa và điều chỉnh phù hợp về chi phí sản xuất, giá bán.
- Tiếp tục đầu tư thay thế một số máy móc thiết bị cũ nhằm tăng năng suất và giảm tiêu thụ điện.
- Xây dựng và triển khai dự án nghiên cứu sử dụng nguyên phụ liệu mới để sản xuất một số bao bì tự hủy, khảo sát thị trường để xác định tính khả thi của dự án sản phẩm bao bì sử dụng vải không dệt.
- Triển khai chiến lược nhân lực 2011-2015 đã được thông qua.
- Tìm ra các cơ hội để đầu tư mới nhằm tăng thêm hiệu quả sử dụng vốn.
- Phát huy hiệu quả quan hệ với các công ty đã đầu tư góp vốn trong cung ứng và tái sinh nguyên liệu.
- Tăng cường quan hệ cổ đông nhằm cung cấp kịp thời thông tin về tình hình và kết quả hoạt động của công ty; thực hiện đầy đủ điều lệ công ty và các qui chế quản trị nội bộ & qui chế công bố thông tin.

3.1.3. Những chỉ tiêu chủ yếu của kế hoạch hoạt động năm 2011:

- ***Sản lượng bao bì:*** ***8,000 tấn (tỷ trọng xuất khẩu ít nhất là 65%).***
- ***Doanh thu bao bì:*** ***≥ 350 tỷ***
- ***Lợi nhuận SXKD bao bì sau thuế:*** ***≥ 35 tỷ***
- ***Tổng số lao động: tăng ≥ 10% so với 2010, thu nhập của CBCNV:*** ***tăng ≥ 20% so với 2010***
- ***Tỷ lệ phế/tổng sản lượng: ≤ 5%, Không có khiếu nại hoặc bị chế tài về chất lượng sản phẩm***

KẾ HOẠCH TÀI CHÍNH NĂM 2011

Chỉ Tiêu	Sản lượng	Doanh Thu	Doanh Thu	Lợi Nhuận
	đvt: tấn	*đvt: (usd)*	*đvt:1.000đ*	*đvt:1.000đ*
Tổng sản lượng	***8,062***	***17,794,000***	***355,880,000***	***26,326,560***
SL Bán ra Nội địa	**2,640**	**4,224,000**	**84,480,000**	**7,603,200**
SL Bán ra Xuất khẩu	**5,422**	**13,570,000**	**271,400,000**	**18,723,360**
Vải Geotextile	560	1,019,200	20,384,000	1,223,040
Bao Shopping	3,950	9,954,000	199,080,000	11,944,800
Bao Hộp	480	1,128,000	22,560,000	2,030,400
Bao Leno	432	1,468,800	29,376,000	3,525,120
Tổng cộng LN từ HĐSX		**17,794,000**	**355,880,000**	**26,326,560**
Lợi nhuận HĐ Khác				**8,673,440**
Tổng lợi nhuận trước thuế				***35,000,000***
Tỷ suất lợi nhuận/ Cổ phiếu				***16.5%***

KẾ HOẠCH SỬ DỤNG VỐN NĂM 2011 ***(đvt=triệu đồng)***

Hạng mục		***Giá trị (1.000đ)***
**** Sử dụng hoạt động SXKD***		205,152,566
**** Sử dụng đầu tư ngắn hạn***		20,000,000
**** Sử dụng đầu tư dài hạn***		72,944,000
**** Trả cổ tức 2010 cho cổ đông (15%)***		31,903,434
Đầu tư dài hạn		
Đơn vị Đầu tư	***Nội dung đầu tư***	***Tiền đầu tư***
Ngân hàng EXIMBank	Cổ phiếu EIB	11,300,000
Cty CP Văn Hóa Tân Bình	Cổ phiếu ALT	10,544,000
Cty CP Đầu tư Xây dựng Tân Đô	Kinh doanh khu CN & Nhà ở	1,500,000
Cty CP Đầu tư và DV Hạ tầng Á Châu	Kinh doanh dịch vụ Cảng	10,000,000
Cty CP Đại Hưng Thịnh	Kinh doanh hạt nhựa	17,500,000
Cty CP ĐHP	Kinh doanh sản xuất nhựa TS	1,750,000
Đầu tư dây chuyền sản phẩm mới		20,000,000

3.2. CHIẾN LƯỢC PHÁT TRIỂN TRUNG VÀ DÀI HẠN:

3.2.1. Theo dõi cập nhật thường xuyên thông tin về chính sách tài chính kinh tế của các quốc gia và của nhà nước VN, về giá cả *(đầu vào và đầu ra),* về thị trường và khách hàng của công ty, từ đó có những quyết định linh hoạt, kịp thời, cụ thể, phù hợp với điều kiện khách quan/chủ quan và hiệu quả nhất.

3.2.2. Quảng bá một cách liên tục và hệ thống qua nhiều hình thức để nâng cao hình ảnh thương hiệu của công ty, truyền tải các sản phẩm cốt lõi; tiếp tục mở rộng thị phần nội địa, nhưng ưu tiên dùng năng lực sản xuất để xuất khẩu (nhằm giữ được thị phần doanh thu và nguồn thu ngoại tệ).

3.2.3. Chuyển đổi dần cơ cấu sản phẩm theo xu hướng mới của thị trường và năng lực cốt lõi/sở trường của công ty, tập trung vào những sản phẩm có giá trị gia tăng cao và đơn hàng lớn.

3.2.4. Thực thi chiến lược giá bán cạnh tranh linh hoạt theo thị trường và khách hàng, chủ động tiếp cận khách hàng mục tiêu, vượt qua các rào cản kỹ thuật với những cam kết chất lượng, tìm kiếm và ký kết được đơn hàng, sao cho vừa đáp ứng được các mục tiêu/chỉ tiêu hoạt động và mức tăng trưởng, vừa giành lại thị phần, vừa làm nên tảng thúc đẩy tăng dần năng lực sản xuất, khai thác hiệu quả công suất MMTB hiện có.

3.2.5. Mở rộng hệ thống nhà cung cấp; thực hiện chế độ đấu thầu cung cấp và tối thiểu có 2 nhà cung cấp cho mỗi loại nguyên liệu, phụ liệu và vật tư kỹ thuật chủ yếu; đảm bảo giá và chi phí mua luôn thấp hơn thị giá tại thời điểm nhận hàng. Mở rộng thêm hệ thống vệ tinh gia công , tăng thêm ≥20% khối lượng gia công mỗi năm.

3.2.6. Kiểm soát đặc biệt dòng tiền, công nợ, thu chi thanh toán không để xảy ra các rủi ro tài chính.

3.2.7. Kiểm soát hiệu quả để tiết kiệm chi phí sản xuất, tuân thủ định lượng nguyên phụ liệu sản xuất, loại bỏ lãng phí vật chất và thời gian trong các lĩnh vực hoạt động.

3.2.8. Tăng cường hoạt động nghiên cứu phát triển để tìm ra và sử dụng các loại nguyên liệu và phụ gia có chi phí thấp hơn mà vẫn đảm bảo CLSP, xem đây là 1 biện pháp trọng tâm để hạ giá thành và tăng cạnh tranh giá bán, thường xuyên phân tích sản phẩm cạnh tranh, tư vấn thiết kế sản phẩm cho khách hàng.

3.2.9. Chuyển đổi dần cơ cấu sản phẩm sát theo nhu cầu thị trường và xu hướng của khách hàng, triển khai việc tiếp thị đối với những sản phẩm mới.

3.2.10. Tiếp tục đổi mới máy móc thiết bị để giảm tiêu thụ điện và tăng sản lượng.

3.2.11. Thực thi chế độ đãi ngộ phù hợp để đủ sức cạnh tranh thu hút, duy trì đội ngũ CBNV và công nhân, tạo sự an tâm gắn bó và động lực làm việc.

3.2.12. Tiếp tục phát triển công ty theo hướng chuyên nghiệp, bền vững; không ngừng nâng cao kiến thức & năng lực quản lý điều hành, đặc biệt là cấp Tổ trưởng, phát huy trí tuệ và kinh nghiệm của đội ngũ CBNV, lấy kết quả thực hiện mục tiêu kế hoạch để đánh giá năng lực và hiệu quả quản lý, tạo nguồn phát triển cán bộ kế cận trọng tâm là cấp trung cao.

3.2.13. Hỗ trợ, thúc đẩy các dự án đã đầu tư hoạt động và sinh lời theo kế hoạch.

3.2.14. Tìm kiếm các cơ hội đầu tư mới để tăng hiệu quả sử dụng vốn và tăng cổ tức bình quân không thấp hơn 15% mỗi năm.

II. BÁO CÁO CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

1. NHỮNG NÉT NỔI BẬT CỦA KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG NĂM 2010:

1.1. Trong tình hình khó khăn lớn của thị trường năm 2010, công ty đã thực hiện:

- Tái cấu trúc lại tổ chức các phòng ban và phân xưởng, thúc đẩy các hoạt động hoạt động,
- Xây dựng lại hệ thống chính sách, qui chế qui trình qui định,
- Cải tiến và áp dụng nhiều công cụ quản lý mới, từ đó, trách nhiệm và năng lực của bộ máy điều hành được nâng cao rất rõ nét so với giai đoạn trước.

1.2. Kết quả sản lượng, doanh thu và lợi nhuận năm 2010 đã đạt vượt chỉ tiêu kế hoạch do ĐHĐCĐ đề ra:

- Tổng sản lượng: 7,751 tấn, đạt 117% chỉ tiêu kế hoạch,
- Doanh thu bao bì: 350 tỷ, đạt 135% chỉ tiêu kế hoạch ,
- Lợi nhuận sau thuế: 38,3 tỷ, đạt 166% chỉ tiêu kế hoạch.

1.3. Sau 01 năm khó khăn và nhiều thách thức, với những nỗ lực đáng trân trọng của đội ngũ CBNV và công nhân, những ưu thế và năng lực cạnh tranh của công ty đã được gia cường và phát huy, tạo tiền đề thuận lợi cho hoạt động của công ty ngày càng hiệu quả hơn trong giai đoạn tới.

1.4. Kết quả nói trên đạt được do nhiều nguyên nhân:

- Thực thi phương châm: "Chuyên nghiệp, Minh bạch, Kỷ cương, Trách nhiệm, Hiệu quả" đối với tất cả CBCNV trong tất cả quan hệ & hoạt động.
- Phát huy được "kinh nghiệm thương trường" và "năng lực cốt lõi" trong sản xuất kinh doanh.
- Nhạy bén và dự báo sát đúng đặc điểm tình hình thị trường, chuẩn bị và thực hiện những chiến lược – kế hoạch–chương trình phù hợp với môi trường kinh doanh.
- Phát huy được trí tuệ và sức mạnh của đội ngũ chủ chốt, làm cơ sở để hội tụ và phát huy các nguồn lực, lợi thế và sở trường trong bối cảnh rất nhiều khó khăn thách thức.
- Lấy hiệu quả hoạt động làm động lực cải tiến liên tục trong phương pháp quản lý điều hành.
- Chăm lo đảm bảo lợi ích của người lao động là động lực để đảm bảo lợi ích của cô đông.

2. QUẢN TRỊ RỦI RO:

Trong năm 2010, giá nguyên phụ liệu và các chi phí sản xuất đã tăng nhanh, thị trường biến động, cùng với những đặc thù của một công ty có qui mô lớn và thiên về sản xuất để xuất khẩu *(mức tồn kho nguyên phụ liệu & khối lượng sản phẩm dở dang & công nợ bán hàng lớn, lịch thanh toán chậm…),* công ty đã hết sức chú trọng thực hiện các biện pháp phòng chống rủi ro, bao gồm:

- Theo dõi tình hình kinh tế và các chính sách vĩ mô tại các khu vực của khách hàng xuất khẩu, liên hệ thông tin hai chiều thường xuyên với các khách hàng.
- Kiểm soát chặt chẽ công nợ bán hàng, thường xuyên đánh giá khả năng thanh toán của các khách hàng qua việc đặt hàng và chi trả, chưa để xảy ra tình trạng nợ khó đòi hoặc khách hàng mất khả năng chi trả.
- Thực hiện Bảo hiểm cho tất cả hàng hóa; kiểm soát quá trình xuất nhập giao hàng và vận chuyển.
- Đảm bảo mức tồn kho nguyên phụ liệu không dưới 02 tháng, hạn chế tối đa nhưng tác động của tăng giá đột biến đến hiệu quả của từng đơn hàng.
- Theo dõi chính sách kinh tế, tình hình tỷ giá tại Việt Nam để sử dụng nguồn USD có lợi nhất.
- Tính toán kỹ lưỡng năng lực và tiến độ khi nhận đơn hàng *(đặc biệt trong quí II-2010 đã bị mất điện thường xuyên),* vì vậy tránh được những phàn nàn và chế tài của khách hàng do giao hàng trễ.
- Phòng chống cháy nổ, trộm cắp tài sản và gian lận nội bộ, kiểm soát an ninh mạng, rủi ro do thay đổi nhân sự các cấp, không để xảy ra bất cứ sự cố nào.

Do tình hình chung của nền kinh tế và TTCK Việt Nam, thị giá cổ phiếu TPC của công ty cũng như các chứng khoán ALT và EIB *(thuộc danh mục đầu tư dài hạn)* đều giảm, mặc dù công ty cổ phần nhựa Tân Đại Hưng cũng như các công ty phát hành cổ phiếu này đều hoạt động ổn định và hiệu quả trong suốt năm 2010. Việc mua thêm 2,5 triệu cổ phiếu quỹ trong năm 2010 với mục đích giảm bớt khối lượng giao dịch, nhưng hầu như đã không có tác động tích cực đến thị giá TPC. Xu hướng thị trường chứng khoán không rõ ràng và khó tăng trường phục hồi. Hội đồng quản trị sẽ cân nhắc đệ trình để ĐHĐCĐ xem xét chủ trương duy trì hay thanh lý các cổ phiếu ALT và EIB.

3. NHỮNG THAY ĐỔI CHỦ YẾU TRONG NĂM:

3.1. Công ty đã không đầu tư kinh doanh cổ phiếu, chuyển các cổ phiếu ALT và EIB thành đầu tư dài hạn theo nghị quyết ĐHĐCĐ, chỉ tập trung vào sản xuất kinh doanh sở trường với những sản phẩm chủ yếu có thị trường/xu hướng/lợi nhuận tốt. Mặt khác, chú trọng phát huy lợi thế trong quan hệ với những công ty liên quan để mua nguyên phụ liệu với giá có lợi và mua bán thêm nếu có lợi nhuận.

3.2. Công ty đã nghiên cứu, áp dụng kỹ thuật mới vào dây chuyền sản xuất hiện có, sản xuất thành công sản phẩm mới Geo-tubes *(Ống đê mềm)* có tính năng chống sạt lở và xâm thực, đã sản xuất thử những sản phẩm đầu tiên và đang trải nghiệm tại khu du lịch Lộc An -Bình Thuận.

3.3. Công ty cũng đã nghiên cứu thử nghiệm qui trình công nghệ "xếp dán hông" cho các loại bao bì, sản xuất "lưới lan" và "màng phủ nông nghiệp" và chào hàng mới vào trong thị trường nội địa.

4. TRIỂN VỌNG VÀ KẾ HOẠCH TRONG TƯƠNG LAI:

Dữ liệu thống kê và Qui hoạch ngành nhựa Việt Nam cho thấy nhu cầu bao bì nhựa nội địa sẽ còn tăng nhanh.

Với những lợi thế về qui mô và khả năng tài chính, đang có một lượng khách hàng truyền thống & then chốt và khá đối ổn định, Thương hiệu của công ty được tin cậy cùng với cùng với khả năng cạnh tranh của công ty trên cả hai thị trường nội địa và xuất khẩu là những cơ sở và thời cơ để công ty Công ty Cổ phần Nhựa Tân Đại Hưng tiếp tục phát triển vững - mạnh mặc dù thị trường đang có những biến động khó lường và cạnh tranh khốc liệt.

Nhiệm vụ trung tâm của Hội đồng quản trị công ty là có những quyết sách để phát triển công ty bền vững với mức tăng trưởng hợp lý hàng năm, nâng cao khả năng cạnh tranh hơn nữa, và quản trị rủi ro một cách hiệu quả.

Cùng với việc tiếp tục duy trì cơ cấu đầu ra thiên về xuất khẩu và duy trì một thị phần nội địa nhất định để củng cố thương hiệu, HĐQT sẽ tập trung vào một số hoạt động có tính đột phá nhằm nâng cao hiệu quả hoạt động của công ty như sau:

4.1. Củng cố và phát huy những lợi thế & lợi điểm trong quan hệ liên kết chiến lược với các công ty có liên quan:

- Các Nhà Cung Cấp ⇔ Công Ty Tân Đại Hưng ⇔ Các Đơn Vị gia công,
- Công ty Đại Hưng Thịnh ⇔ Công Ty Tân Đại Hưng ⇔ Công Ty ĐHP.

4.2. Đầu tư thêm các loại máy móc thiết bị sản xuất mới để tiết kiệm nguyên liệu và năng lượng.

4.3. Khảo sát nghiên cứu sản xuất các sản phẩm mới, áp dụng công nghệ sản xuất mới:

- Vải Địa kỹ thuật không dệt *(non-woven)*.
- Các sản phẩm bao bì từ vải không dệt.
- Sử dụng các phụ gia nguyên liệu để sản xuất một số sản phẩm tự hủy sau một giai đoạn sử dụng.

4.4. Mở rộng quan hệ, khai thác các cơ hội đầu tư vào các dự án dài hạn khác để tăng hiệu quả sử dụng vốn.

III. BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC

1. BÁO CÁO TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH:

1.1. Khả năng sinh lời, khả năng thanh toán:

So sánh các chỉ số tài chính 2010 với 2009 cho thấy các kết quả:

Chỉ tiêu/Chỉ số	*Năm 2010*	*Năm 2009*
Tài sản ngắn hạn/Tổng Tài Sản	77.5%	73.8%
Tài sản Dài hạn/Tổng Tài Sản	22.5%	26.2%
Nợ phải trả/Tổng nguồn vốn	10.5%	10.9%
Vốn chủ sở hữu/Tổng nguồn vốn	89.5%	89.1%
Tỷ số khả năng thanh toán nhanh	4.95	5.41
Tỷ số khả năng thanh toán bằng tiền mặt	1.23	0.73
Tỷ Số Lợi nhuậnST/Doanh thu thuần (LN biên)	8.6%	15.4%
Tỷ Số Lợi nhuận/ tổng tài sản (ROA)	10.2%	17.2%
Tỷ Số Lợi nhuận/ Vốn chủ sở hữu (ROE)	11.4%	19.3%
Tỷ Số Lợi nhuận/ Toàn bộ vốn SXKD	11.7%	20.4%
EPS	1,658	3,164
P/E (31/12/2010)	5.939	4.141
Giá trị sổ sách (31/12/2010)	15,767	16,407

1.2. Những những thay đổi lớn so với dự kiến và nguyên nhân:

- Lợi nhuận sau thuế năm 2010 so với năm 2009 giảm 27.834 triệu do các khoản hoàn nhập dự phòng năm 2009 đã đem về 47.025 triệu.
- Năm 2010, công ty đã phải tiếp tục trích lập dự phòng bổ sung 4.100.907.549 đồng cho các cổ phiếu ALT và EIB làm giảm gần 10% lợi nhuận .
- Doanh thu bao bì năm 2010 đạt 117% chỉ tiêu kế hoạch, lợi nhuận năm 2010 đạt 166% chỉ tiêu kế hoạch do những nguyên nhân chủ yếu như sau:
  - ✓ Những giải pháp/biện pháp marketing đầu vào và đầu ra hiệu quả,
  - ✓ Tiết giảm chi phí tài chính, giá bình quân nguyên liệu tồn kho luôn thấp hơn thị giá,
  - ✓ Kiểm soát nội bộ tốt, tiết kiệm chi phí và giảm giá thành.
- Thay đổi về vốn cổ đông :
  - ✓ Tăng vốn điều lệ từ 205.460.000.000 VND lên 244.305.960.000 đồng, do phát hành bổ sung cổ phiếu thưởng.
  - ✓ Vốn thặng dư còn lại là 45.610.041.591 đồng, do đã sử dụng 30.346.521.940 đồng để mua thêm 2,5 triệu cổ phiếu quỹ.
- Trong năm 2010, Công ty đã phát hành 3.976.872 cổ phiếu thưởng từ thặng dư vốn cổ phần và mua lại 2.500.000 cổ phiếu đang lưu hành làm cổ phiếu quỹ.
- Tổng số cổ phiếu của công ty theo từng loại tại thời điểm 31/12/2010:
  - ✓ Tổng số cổ phiếu thường (phổ thông): 24,430,596
  - ✓ Tổng số cổ phiếu ưu đãi: 00
- Tổng số trái phiếu đang lưu hành theo từng loại : 00
- Số lượng cổ phiếu đang lưu hành theo từng loại: 21,268,956
- Số lượng cổ phiếu cổ phiếu quỹ: 3,161,640

2. KẾT QUẢ ĐIỀU HÀNH SẢN XUẤT KINH DOANH 2010:

Tuân thủ chiến lược công ty và định hướng của HĐQT, bộ máy điều hành SXKD của công ty đã phát huy cao tính năng động và trách nhiệm, đạt và đạt vượt các chỉ tiêu kế hoạch năm 2010.

2.1. HOẠT ĐỘNG TIẾP THỊ & BÁN HÀNG:

- Mở trang " quan hệ đầu tư" trên website để công bố và lưu trữ đầy đủ những thông tin trong thời hạn 10 năm. Đăng ký và được Bộ KHCN&MT cấp các Giấy chứng nhận bảo hộ quyền sở hữu "LOGO công ty" và tên Công ty "Tân Đại Hưng".Thực hiện quảng bá trên website của VCCI, Thương hiệu mạnh; các cẩm nang danh bạ của: VCCI, HEPZA, Bộ Công thương, các Doanh nghiệp xuất khẩu của VN; Báo Đầu Tư, Báo Đầu tư chúng khoán, các đặc san chuyên ngành của Hiệp hội Nhựa Việt Nam và Hiệp hội Nhựa Châu Á.
- Tổ chức tiếp cận khảo sát tất cả khách hàng chủ lực và tiềm năng *(kể cả thị trường xuất khẩu)*, mời nhiều khách hàng tiềm năng đến làm việc và tham quan nhà máy, qua đó nắm bắt thông tin hữu ích về sản phẩm, khách hàng, thị trường và đối thủ cạnh tranh, làm cơ sở thực thi chiến lược tiếp thị sản phẩm phù hợp để tối đa hóa lợi nhuận.
- Có thêm 04 khách hàng xuất khẩu và 02 khách hàng nội địa mới, có 80% khách hàng xuất khẩu tăng sản lượng và doanh thu so với 2009; có 60% khách hàng tăng sản lượng và doanh thu nội địa so với 2009.
- Kết quả hoạt động tiếp thị mang đến nhiều đơn đặt hàng đáp ứng vượt yêu cầu khai thác 100% công suất cơ hữu của nhà máy và làm cơ sở phát triển mạnh hệ thống gia công. *(Thực tế, công ty phải từ chối nhiều đơn hàng nội địa vì ưu tiên để xuất khẩu, không còn năng lực đáp ứng, kể cả đã phát triển mạnh gia công).*
- Cơ cấu doanh thu năm 2010: Xuất khẩu 77,05%, Nội địa 22,95%
- Cơ cấu sản lượng tiêu thụ năm 2010: Xuất khẩu 66,73%, Nội địa 33,27%

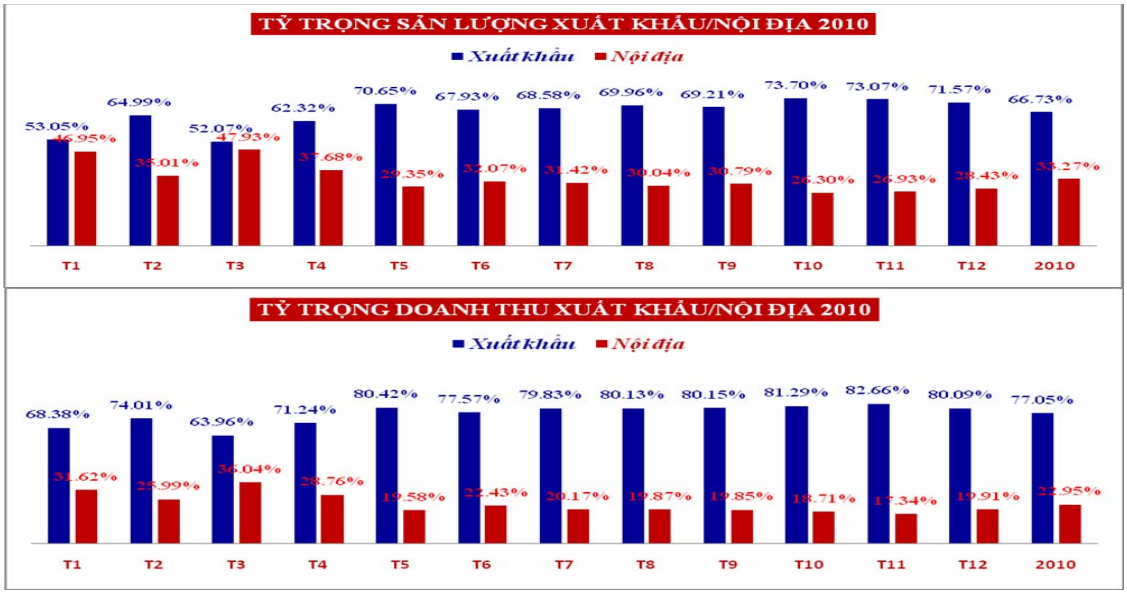

2.2. HOẠT ĐỘNG CUNG ỨNG & GIA CÔNG:

- Thị giá nguyên & phụ liệu được thường xuyên theo dõi cập nhật, từ đó ra quyết định mua và tồn kho hợp lý theo đơn hàng và định mức tồn kho,đảm bảo giá tồn kho không cao hơn thị giá. Hoạt động mua, gia công vật tư KT bên ngoài cũng đã cung cấp kịp thời yêu cầu, có nhiều chuyển biến trong tìm kiếm nhà cung cấp, cập nhật tình hình, so sánh, đàm phán giá. Triển khai "cơ chế đấu thầu giá" cung ứng và gia công nguyên phụ liệu từ đầu năm.
- Các biểu đồ thị giá PP và PE dưới đây phản ánh xu thế tăng giá các loại nguyên liệu chủ yếu của ngành nhựa trong năm 2010:

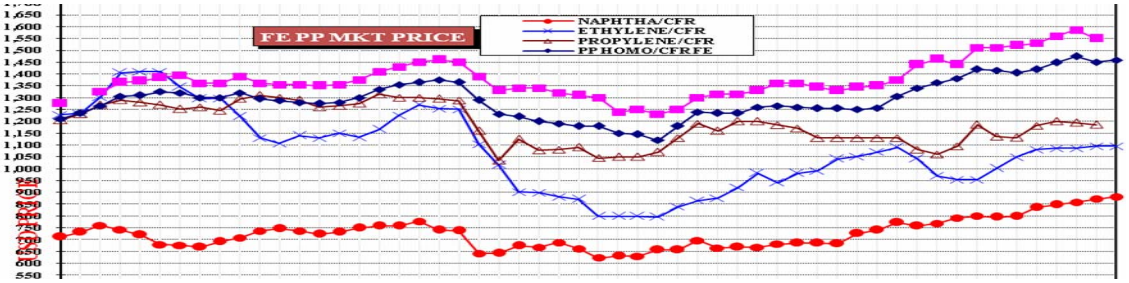

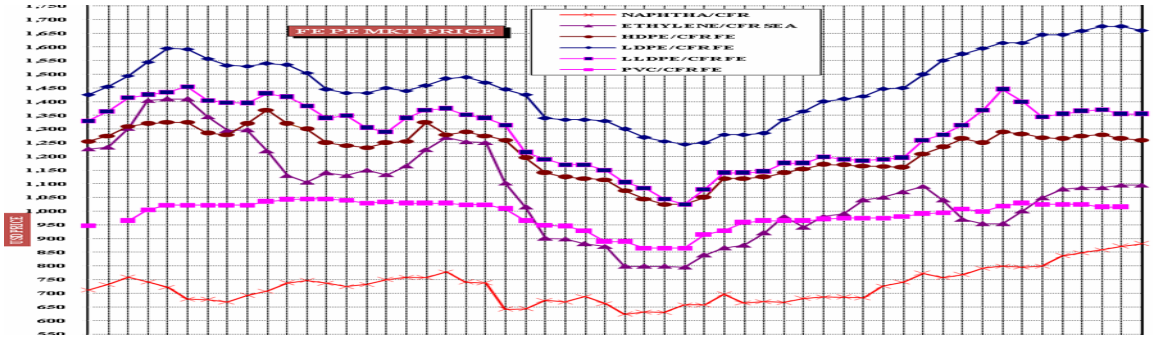

- Đã phát triển mạnh hệ thống vệ tinh gia công sản xuất *(cả qui mô và cấp độ,đặc biệt là gia công may bao shopping tăng hơn 60% sản lượng so với 2009),* góp phần rất quan trọng đối với tăng sản lượng tiêu thụ và hiệu quả hoạt động, đáp ứng được những lịch giao hàng nhanh trong điều kiện tuyển dụng lao động khó khăn.

2.3. HOẠT ĐỘNG CÔNG NGHỆ, R&D VÀ ĐẢM BẢO CHẤT LƯỢNG (QA):

- Hoạt động tạo mẫu được chú trọng để đáp ứng thị hiếu khách hàng, chào hàng và duyệt đơn hàng. Thử nghiệm thành công một số sản phẩm mới: vải tráng lót mái có chống trượt, bao bì xếp dán hông, bao shopping may viền/nẹp hông, sử dụng màng BOPP mỏng hơn trong sản xuất bao shopping.
- Sản xuất thành công một số sản phẩm mới: Ống đựng cát chống xâm thực (Geo-Tubes), đã cung cấp cho 2 khách hàng nội địa *(nhưng việc tiếp thị chưa hiệu quả do nhiều nguyên nhân khác nhau).* Đã khảo sát, nghiên cứu, trải nghiệm "công nghệ sản xuất xếp dán hông" và liên kết qui trình in-cắt thành công từ những thiết bị hiện có, sẵn sàng cho áp dụng khi có đơn hàng của loại sản phẩm này. Sử dụng công nghệ SX bao Raschel *(lưới ngang)* để SX "Lưới lan", đã đưa ra thị trường nội địa dù thị phần còn rất nhỏ.
- Nghiên cứu, sử dụng nguyên liệu phụ gia trong hỗn hợp nguyên liệu đạt hiệu quả cao, tận dụng hầu hết các loại phế liệu nội bộ, tiết kiệm chi phí mà vẫn bảo đảm chất lượng của từng loại phẩm/đơn hàng.
- Triển khai đồng bộ hệ thống quản lý an toàn vật liệu *(Materials safety data sheets/MSDS)* tại các bộ phận và phân xưởng, được tổ chức do khách hàng chỉ định đánh giá kiểm tra thừa nhận. Bảo đảm kiểm soát chất lượng nguyên liệu đầu vào.
- Hệ thống quản lý chất lượng ISO 9001:2008 vẫn được duy trì. Các thông số kỹ thuật và yêu cầu chất lượng sản phẩm được thông tin rộng rãi trước khi triển khai sản xuất để định hướng và cảnh báo. Công cụ, phương pháp và qui trình thống kê sản phẩm đã được cải tiến để cung cấp đầy đủ chính xác các thông tin về sự cố, nguyên nhân, các biện pháp khắc phục phòng ngừa và yêu cầu cải tiến đến từng công nhân, phân xưởng và vệ tinh gia công.
- Nhận thức và trách nhiệm đối với CLSP của từng cán bộ, công nhân trong mỗi công đoạn đã chuyển biến rõ nét cùng với việc thay đổi một số qui trình qui định kiểm soát CLSP, quan hệ "khách hàng nội bộ" giữa các bộ phận và vị trí công việc trong quá trình sản xuất đã xác lập, tạo ra kết quả giảm các sự cố chất lượng, cho phép giảm bớt số nhân viên KCS tiến trình, phòng tránh các khiếu nại về CLSP, góp phần làm giảm phế liệu phế phẩm và giám giá thành. Bộ máy kiểm soát gia công được tăng cường, góp phần phòng tránh những rủi ro về chất lượng khi triển khai hoạt động gia công với mức độ và phạm vi ngày càng lớn.

2.4. HOẠT ĐỘNG QUẢN LÝ MMTB, VẬT TƯ KỸ THUẬT, NĂNG LƯỢNG:

- Sắp xếp lại mặt bằng và máy nóc thiết bịcủa các phân xưởng theo mô hình cấu trúc mới.
- Việc phân cấp quản lý, bảo trì sửa chữa MMTB đã chuyển biến tích cực trong thực hiện tại các phân xưởng, Hoạt động bảo trì sửa chữa đã góp phần quan trọng để bảo đảm hiệu suất thiết bị, năng suất lao động và sản lượng theo kế hoạch. Cải tiến máy tráng đưa vào ghép màng, đầu tư mới thêm 2 máy cắt có

công suất lớn hơn 2 máy cắt, hệ thống cung cấp nước giải nhiệt của các máy tráng ghép, cụm máy "vặn-xếp hông làm tăng năng suất, ổn định chất lượng; đang tiếp tục đại tu toàn bộ máy dệt thay thế toàn bộ vòng máy dệt mới, làm giảm 90% sự cố giao động khổ vải và giảm 30% phế dệt/tráng do dao động khổ vải. Quản lý duy tu tốt hệ thống điện và phục vụ SX *(cấp thoát nước)*.

- Kiểm sóat tốt việc sử dụng điện sản xuất và thắp sáng góp phần làm giảm chi phí điện; triển khai việc thống kê thời gian ngừng máy đến các phân xưởng. Kiểm soát tốt hoạt động cung ứng, sử dụng và tồn kho vật tư kỹ thuật đúng các định mức, tính năng kỹ thuật, giảm 03% chi phí vật tư, phòng tránh lãng phí và lạm dụng
- Chế tạo, gia công được hầu hết các chi tiết máy dệt, các dụng cụ phương tiện, đáp ứng được yêu cầu thay thế sửa chữa nội bộ. Thanh lý một số máy móc thiết bị không còn sử dụng *(khấu hao gần hết, năng suất thấp, tiêu thụ điện nhiều,.*

2.5. HOẠT ĐỘNG ĐIỀU ĐỘ SẢN XUẤT:

- Đảm bảo sự liên hệ mật thiết giữa bộ phận kinh doanh với bộ phận kế hoạch điều độ sản xuất trong xác định chính xác năng lực sản xuất, tiến độ giao hàng trước khi ký kết đơn hàng.
- Điều độ sản xuất hợp lý theo thứ tự ưu tiên của đơn hàng, cân đối được năng lực sản xuất nội tại với gia công để bảo đảm thời hạn giao hàng, hạn chế được hiện tượng"thắt cổ chai"và lãng phí thời gian chuyển đổi đơn hàng và tiết kiệm chi phí điện. Duy trì nghiêm túc việc triển khai KHSX tháng và Lệnh sản xuất hàng ngày.
- Năng suất lao động đạt 98% định mức, phản ánh trình độ tay nghề và phong cách làm việc của công nhân đáp ứng được yêu cầu *(dù có 26,8% công nhân mới vào làm việc chưa tròn năm).*
- Cải tiến bộ mã *(code)* của các công đoạn, phục vụ thống kê sản lượng, quản lý kho bán thành phẩm, theo dõi tiến độ sản xuất của từng đơn hàng và mỗi công đoạn, cung cấp kết quả sản lượng và phế hàng ngày đến các bộ phận để điều hành và hàng tháng để đánh giá kết quả hoạt động của từng phân xưởng.
- Thực hiện liên tục những giải pháp đồng bộ, triệt để kiểm soát giảm phế liệu và chống sót lỗi tại các phân xưởng, giảm gần 10% phế so với năm 2010 trong điều kiện nhiều đơn hàng có tỷ lệ phế công nghệ cao hơn.

2.6. HOẠT ĐỘNG QUẢN LÝ NGUỒN NHÂN LỰC:

- Triển khai khai giai đoạn 1 của "chiến lược nguồn nhân lực 2011-2015", thực hiện đánh giá "năng lực quản lý" và "đăng ký thời hạn đảm nhiệm & phát triển" của tất cả cán bộ và nhân viên quản lý làm cơ sở qui hoạch – tuyển dụng – đào tạo và phát triển đội ngũ CBNV chủ chốt những năm sắp tới.
- Triển khai cấu trúc mới của các phân xưởng, sắp xếp lại một số cán bộ nhân viên, chuẩn bị sẵn sàng cho các hoạt động năm 2011 của công ty.
- Tuyển dụng bổ sung và thay thế lao động nghỉ việc, đưa tổng số lao động thành 725, tăng 10,4% người so với cuối năm 2009.
- Tổ chức khóa đào tạo quản lý sản xuất cho tất cả các cấp quản lý và một số nhân viên chủ chốt theo nội dung đã được chọn lựa *(theo chương trình và giảng viên do Hiệp hội Nhựa VN giới thiệu).* Phối hợp linh hoạt trong tuyển dụng và điều chuyển kết hợp với tái đào tạo tay nghề *(đa năng hóa)* giữa các công đoạn sản xuất; duy trì và khai thác được năng lực của một khối lượng công nhân phù hợp với tình hình đơn hàng trong từng giai đoạn.
- Chính sách đãi ngộ:
- ✓ Duy trì đầy đủ các chính sách đãi ngộ *(Lương tháng 13, thưởng thành tích ABC, tặng quà tất cả dịp lễ tết, đài thọ suất ăn giữa ca, trích đóng thay bảo hiểm, bố trí ở tại khu lưu trú miễn phí, xe đưa đón, tham quan nghỉ mát hàng năm và khám sức khỏe định kỳ…).*
- ✓ Áp dụng hệ thống thu nhập mới cho tất cả hệ thống vị trí công việc, trong đó điều chỉnh lại đơn giá lương sản phẩm mới, ban hành các khoản thưởng gắn liền với đánh giá kết quả theo mục tiêu quản lý của mỗi loại công việc, thu nhập của CBNV tăng hơn 20% so với 2009, tạo sự an tâm phấn khởi và động lực cho CBNV và công nhân trong tình hình chi phí sinh hoạt ngày càng tăng, giảm 30% số lượng nghỉ việc và vi phạm nội qui.
- ✓ Duy trì chính sách theo bộ **"**tiêu chuẩn ứng xử BSCI" *(SA.8000)* theo yêu cầu của khách hàng Châu Âu.

2.7. HOẠT ĐỘNG QUẢN LÝ HÀNH CHÍNH:

- Duy trì tốt các quan hệ với các cơ quan thẩm quyền chức năng; đảm bảo thông tin liên lạc, quan hệ lao động, ANTT, PCCC, vệ sinh ATLĐ trong nội bộ công ty, đáp ứng được yêu cầu, tiết giảm chi phí.
- Kết quả thanh kiểm tra của các cơ quan chức năng năm 2010 về hệ thống chính sách đãi ngộ, về an toàn về an toàn vệ sinh thực phẩm, về PCCC và vệ sinh môi trường tại nhà máy đều cho ra kết quả đánh giá tốt *(trừ tiếng ồn chưa đạt do đặc thù máy móc thiết bị của ngành dệt, chỉ hạn chế được bằng sử dụng nút chống ồn).*
- Trong xử lý những vi phạm nội qui lao động: thể hiện quan điểm nghiêm túc, có lý và có tình.
- Đảm bảo an toàn vệ sinh thực phẩm của nhà ăn tập thể trong suốt năm, không xảy ra sự cố nào, được Sở Y tế Long An kiểm tra định kỳ công nhận.

- Kiểm sóat tài sản, bảo vệ hiệu quả, không phát hiện bất cứ vụ trộm cắp nào.
- Kiểm sóat sử dụng nhiên liệu xăng dầu, điện, điện thoại, văn phòng phẩm, điều phối tốt tiện vận chuyển trán lãng phí, áp dụng các định mức điện nước tại khu lưu trú …nhằm loại bỏ các lãng phí và tránh lạm dụng.

2. NHỮNG TIẾN BỘ CÔNG TY ĐÃ ĐẠT ĐƯỢC:

3.1. Những cải tiến về cơ cấu tổ chức, chính sách, quản lý:

- Đội ngũ chủ chốt được thông tin chính xác đầy đủ kịp thời và một cách hệ thống về thị trường và khách hàng, về tổ chức và kết quả hoạt động của công ty, làm cơ sở để tạo ra sự đồng tâm hiệp lực, phát triển tầm nhìn, chiến lược chiến thuật SXKD, mục tiêu kế hoạch hoạt động, hội tụ được các nguồn lực của công ty.
- Duy trì nghiêm túc việc xây dựng, triển khai và đánh giá các chương trình kế hoạch qúi/tháng/tuần, các Trưởng bộ phận đã thể hiện tốt sự hợp tác mật thiết trong quan hệ/thông tin giữa các chức năng theo cơ cấu tổ chức và kế hoạch hoạt động
- Phân định phạm vi và cấp độ trách nhiệm, các quyết định được thực hiện khách quan, kịp thời trên cơ sở tuân thủ những định hướng và chiến lược thị trường/sản phẩm, chiến lược quản lý điều hành, sử dụng tiết kiệm và phát huy hiệu quả các nguồn lực cơ hữu, tận dụng được những cơ hội thị trường trong bối cảnh rất khó khăn.
- Có sự chuyển biến rõ nét về phong cách làm việc, sâu sát thực tiễn, kiên trì đeo bám, chủ động thực hiện các mục tiêu, nhiệm vụ trọng tâm của các cán bộ quản trị, nhất là cấp trưởng bộ phận và quản lý phân xưởng. Sự phối hợp giữa các bộ phận chức năng ngày càng nhuần nhuyễn hơn.
- Sáp nhập các khâu trong qui trình sản xuất vào trong 4 phân xưởng, phân công sắp xếp lại bộ máy qủan lý sản xuất nhằm tăng cường điều hành trực tiếp tại mỗi phân xưởng.
- Các công cụ quản lý được tập trung cải tiến trong năm 2010 trong từng phòng ban phân xưởng và liên kết xâu chuỗi lại để phục vụ điều hành chung của công ty cũng như tại các phòng ban, phân xưởng. Hệ thống máy vi tính và thông tin qua mạng nội bộ được triển khai xong đến tất cả cấp độ quản lý và các phòng ban, góp phần giảm thời gian hội họp và sử dụng văn bản giấy tờ.
- Năng lực điều hành của các Trưởng bộ phận chức năng và Giám đốc phân xưởng đã có mức phát triển mới: nắm vững yêu cầu, nhiệm vụ trọng tâm, chương trình hoạt động và kế hoạch sản xuất chung, đã lập được KHSX của PX và điều độ sát đúng, chủ động xử lý các vấn đề thuộc trách nhiệm PX/công đoạn SX, kiểm soát và điều chỉnh lao động- MMTB - nguyên phụ liệu - bán thành phẩm, tiến trình SX…tạo ra hiệu quả rõ nét về năng suất, sản lượng, chất lượng, phế, sử dụng điện, trật tự vệ sinh và an toàn lao động trong PX và phối hợp giải quyết những vấn đề chung trong qui trình sản xuất.
- Cải tiến những tiêu chí đánh giá kết quả công việc *(performance review)*, cơ chế đánh giá kết quả công việc đối với các cán bộ quản lý, NV nghiệp vụ kỹ thuật được BGĐ thực hiện ngày càng nghiêm túc hơn, góp phần thúc đẩy hiệu quả chung của công ty, trong năm 2010, có 95% vị trí công việc /chức danh hoàn thành và hoàn thành vượt mức các yêu cầu và mục tiêu.

3.2. Các biện pháp kiểm soát:

- Triển khai đồng bộ 03 hệ thống kiểm sóat nội bộ:
  - ✓ Các số liệu và kết quả về tài chính tài sản: do Phòng kế tóan TC làm trung tâm
  - ✓ Giám sát tiến trình và kết quả thực hiện các mục tiêu kế hoạch định kỳ của từng phòng ban, bộ phận.
  - ✓ Giám sát tiến trình và kết quả thực hiện chức năng nhiệm vụ của các vị trí công việc (chức danh) trong tổ chức, đặc biệt là các vị trí quản trị.
- Kiểm sóat chặt chẽ thu chi, thanh tóan; theo dõi công nợ và thường xuyên thu thập thông tin, đánh giá tình hình tài chính của khách hàng; quản lý điều phối tốt dòng tiền bảo đảm cân đối tài chính cho các hoạt động theo kế hoạch tài chính/chi phí đã duyệt, chưa để xảy ra bất cập nào về ngân sách và thanh toán.
- Kiểm sóat chặt chẽ sử dụng, xuất nhập và tồn kho nguyên phụ liệu, vật tư kỹ thuật, bán thành phẩm và thành phẩm, không để phát sinh ngòai định mức.
- Cập nhật và cung cấp thông tin giá thành thực tế *(biến đổi nhanh theo chi phí nguyên vật liệu, điện, nhân công…)* làm cơ sở xây dựng giá bán cạnh tranh và phân tích giá thành thực tế để đánh giá hiệu quả từng đơn hàng và khách hàng .
- Tất cả các phòng ban và phân xưởng đều xây dựng chương trình hành động để kiểm sóat nhằm tiết kiệm điện năng, xăng dầu, nước, nhân lực, nguyên phụ liệu, văn phòng phẩm, chi phí vận chuyển giao hàng, giảm được phế liệu phế phẩm, loại bỏ các lãng phí đã nhận diện được, qua đó góp phần làm giảm giá thành và các chi phí hoạt động.
- Thiết lập chế độ kiểm tra, thông tin, phản hồi, báo cáo nhằm phát hiện để chấn chỉnh xử lý kịp thời gắn liền với trách nhiệm và quyền hạn cụ thể của từng cấp điều hành.

IV. BÁO CÁO TÀI CHÍNH 2010

(Đã được kiểm toán bởi CôngTy Kiểm Toán và Tư Vấn A&C- Tất cả Báo cáo tài chính2010 đã kiểm toán và chứng thư kiểm toán, gồm báo cáo "hợp nhất" và báo cáo của công ty "mẹ", các báo cáo thuyết minh đều được tải lên và lưu trữ tại website công ty)

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2010

Đơn vị tính: VND

	TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
A -	**TÀI SẢN NGẮN HẠN**	**100**		**290,355,611,624**	**270,194,300,029**
I.	**Tiền và các khoản tương đương tiền**	**110**	**V.1**	**45,252,627,115**	**27,493,626,686**
1.	Tiền	111		30,242,516,003	20,993,626,686
2.	Các khoản tương đương tiền	112		15,010,111,112	6,500,000,000
II.	**Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn**	**120**		**10,903,500,000**	**67,390,245,000**
1.	Đầu tư ngắn hạn	121	V.2	10,903,500,000	67,390,245,000
2.	Dự phòng giảm giá đầu tư ngắn hạn	129		-	-
III.	**Các khoản phải thu ngắn hạn**	**130**		**107,887,189,557**	**96,994,094,921**
1.	Phải thu khách hàng	131	V.3	93,701,965,416	77,226,881,567
2.	Trả trước cho người bán	132	V.4	904,500,000	9,339,922,816
3.	Phải thu nội bộ ngắn hạn	133		-	-
4.	Phải thu theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	134		-	-
5.	Các khoản phải thu khác	135	V.5	14,050,679,628	13,748,021,388
6.	Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	139	V.6	(769,955,487)	(3,320,730,850)
IV.	**Hàng tồn kho**	**140**		**108,654,108,502**	**65,519,784,267**
1.	Hàng tồn kho	141	V.7	108,654,108,502	67,626,961,968
2.	Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149	V.8	-	(2,107,177,701)
V.	**Tài sản ngắn hạn khác**	**150**		**17,658,186,450**	**12,796,549,156**
1.	Chi phí trả trước ngắn hạn	151		12,500,000	22,795,410
2.	Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ	152		15,217,988,407	9,437,652,741
3.	Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	154	V.9	1,794,642,008	114,048,153
4.	Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ	157		-	-
5.	Tài sản ngắn hạn khác	158	V.10	633,056,035	3,222,052,852
B -	**TÀI SẢN DÀI HẠN**	**200**		**84,149,991,498**	**96,152,216,187**
I.	**Các khoản phải thu dài hạn**	**210**		**-**	**-**
1.	Phải thu dài hạn của khách hàng	211		-	-
2.	Vốn kinh doanh ở các đơn vị trực thuộc	212		-	-
3.	Phải thu dài hạn nội bộ	213		-	-
4.	Phải thu dài hạn khác	218		-	-
5.	Dự phòng phải thu dài hạn khó đòi	219		-	-
II.	**Tài sản cố định**	**220**		**42,220,147,042**	**50,992,898,319**
1.	Tài sản cố định hữu hình	221	V.11	42,220,147,042	50,992,898,319
	Nguyên giá	*222*		*72,643,793,309*	*74,074,753,379*
	Giá trị hao mòn lũy kế	*223*		*(30,423,646,267)*	*(23,081,855,060)*
2.	Tài sản cố định thuê tài chính	224		-	-
	Nguyên giá	*225*		-	-
	Giá trị hao mòn lũy kế	*226*		-	-
3.	Tài sản cố định vô hình	227		-	-
	Nguyên giá	*228*		*164,800,000*	*164,800,000*
	Giá trị hao mòn lũy kế	*229*		*(164,800,000)*	*(164,800,000)*
4.	Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	230		-	-
III.	**Bất động sản đầu tư**	**240**		**-**	**-**
	Nguyên giá	241		-	-
	Giá trị hao mòn lũy kế	242		-	-
IV.	**Các khoản đầu tư tài chính dài hạn**	**250**		**41,114,082,845**	**45,109,945,964**
1.	Đầu tư vào công ty con	251		-	-
2.	Đầu tư vào công ty liên kết, liên doanh	252	V.12	18,567,451,445	20,212,407,015
3.	Đầu tư dài hạn khác	258	V.13	35,094,447,615	33,344,447,615
4.	Dự phòng giảm giá đầu tư tài chính dài hạn	259	V.14	(12,547,816,215)	(8,446,908,666)
V.	**Tài sản dài hạn khác**	**260**		**815,761,611**	**49,371,904**
1.	Chi phí trả trước dài hạn	261	V.15	397,390,451	16,887,904
2.	Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	262	V.16	418,371,160	32,484,000
3.	Tài sản dài hạn khác	268		-	-

VI.	**Lợi thế thương mại**	**269**		**-**	**-**
	TỔNG CỘNG TÀI SẢN	**270**		**374,505,603,122**	**366,346,516,216**

	NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
A -	**NỢ PHẢI TRẢ**	**300**		**39,161,387,443**	**40,110,574,327**
I.	**Nợ ngắn hạn**	**310**		**36,738,879,928**	**37,800,598,490**
1.	Vay và nợ ngắn hạn	311	V.17	5,679,600,000	12,100,000,000
2.	Phải trả người bán	312	V.18	15,874,123,886	7,242,432,157
3.	Người mua trả tiền trước	313	V.19	2,570,200,000	3,640,493,681
4.	Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	314	V.20	2,992,897,674	4,953,942,643
5.	Phải trả người lao động	315		4,764,648,195	2,849,735,825
6.	Chi phí phải trả	316	V.21	4,759,992,613	1,947,272,599
7.	Phải trả nội bộ	317		-	-
8.	Phải trả theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	318		-	-
9.	Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác	319	V.22	97,417,560	5,066,721,585
10.	Dự phòng phải trả ngắn hạn	320		-	-
11.	Quỹ khen thưởng, phúc lợi	323		-	-
12.	Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ	327		-	-
II.	**Nợ dài hạn**	**330**		**2,422,507,515**	**2,309,975,837**
1.	Phải trả dài hạn người bán	331		-	-
2.	Phải trả dài hạn nội bộ	332		-	-
3.	Phải trả dài hạn khác	333		-	-
4.	Vay và nợ dài hạn	334		-	-
5.	Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	335		-	-
6.	Dự phòng trợ cấp mất việc làm	336	V.23	2,422,507,515	2,309,975,837
7.	Dự phòng phải trả dài hạn	337		-	-
8.	Doanh thu chưa thực hiện	338		-	-
9.	Quỹ phát triển khoa học và công nghệ	339		-	-
B -	**NGUỒN VỐN CHỦ SỞ HỮU**	**400**		**335,344,215,679**	**326,235,941,889**
I.	**Vốn chủ sở hữu**	**410**		**335,344,215,679**	**326,235,941,889**
1.	Vốn đầu tư của chủ sở hữu	411	V.24	244,305,960,000	205,460,000,000
2.	Thặng dư vốn cổ phần	412	V.24	86,242,518,451	125,088,478,451
3.	Vốn khác của chủ sở hữu	413		-	-
4.	Cổ phiếu quỹ	414	V.24	(40,632,476,860)	(10,285,954,920)
5.	Chênh lệch đánh giá lại tài sản	415		-	-
6.	Chênh lệch tỷ giá hối đoái	416	V.24	3,388,541,428	2,254,791,200
7.	Quỹ đầu tư phát triển	417		-	-
8.	Quỹ dự phòng tài chính	418		-	-
9.	Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	419		-	-
10.	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	420	V.24	42,039,672,660	3,718,627,158
11.	Nguồn vốn đầu tư xây dựng cơ bản	421		-	-
12.	Quỹ hỗ trợ sắp xếp doanh nghiệp	422		-	-
II.	**Nguồn kinh phí và quỹ khác**	**430**		**-**	**-**
1.	Nguồn kinh phí	432		-	-
2.	Nguồn kinh phí đã hình thành tài sản cố định	433		-	-
C -	**LỢI ÍCH CỦA CỔ ĐÔNG THIỂU SỐ**	**439**		**-**	**-**
	TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	**440**		**374,505,603,122**	**366,346,516,216**

CÁC CHỈ TIÊU NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT

	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
1.	Tài sản thuê ngoài		-	-
2.	Vật tư, hàng hóa nhận giữ hộ, nhận gia công		-	-
3.	Hàng hóa nhận bán hộ, nhận ký gửi, ký cược		-	-
4.	Nợ khó đòi đã xử lý		-	-
5.	Ngoại tệ các loại:			
	Dollar Mỹ (USD)		442,051	1,083,338.18
	Euro (EUR)		-	19.06
	Dollar Singapore (SGD)		-	-
	Yên Nhật (¥)		-	-
	Dollar Úc (AUD)		-	-
	Bảng Anh (£)		-	-
	Dollar Canada (CAD)		-	-
	…		-	-
6.	Dự toán chi sự nghiệp, dự án		-	-

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT

Năm 2010

Đơn vị tính: VND

	CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
1.	Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	VI.1	447,235,717,622	409,716,957,257
2.	Các khoản giảm trừ doanh thu	02	VI.1	1,016,707,712	383,868,624
3.	Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	10	VI.1	446,219,009,910	409,333,088,633
4.	Giá vốn hàng bán	11	VI.2	379,874,665,356	320,480,257,442
5.	Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	20		66,344,344,554	88,852,831,191
6.	Doanh thu hoạt động tài chính	21	VI.3	10,854,459,880	7,740,979,490
7.	Chi phí tài chính	22	VI.4	9,881,715,703	2,408,336,119
	Trong đó: chi phí lãi vay	23		777,904,252	1,438,685,664
8.	Chi phí bán hàng	24	VI.5	16,127,765,240	8,102,054,850
9.	Chi phí quản lý doanh nghiệp	25	VI.6	11,415,442,492	15,439,954,911
10.	Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		39,773,880,999	70,643,464,801
11.	Thu nhập khác	31	VI.7	2,353,132,007	3,739,272,865
12.	Chi phí khác	32	VI.8	2,156,275,866	6,735,353,169
13.	Lợi nhuận khác	40		196,856,141	(2,996,080,304)
14.	Phần lãi hoặc lỗ trong công ty liên kết, liên doanh	45		455,044,430	612,407,015
15.	Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		40,425,781,570	68,259,791,512
16.	Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	51	V.20	2,490,623,228	3,280,155,871
17.	Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại	52	V.16	(385,887,160)	2,068,757,000
18.	Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	60		38,321,045,502	62,910,878,641
18.1.	*Lợi nhuận sau thuế của cổ đông thiểu số*	*61*		-	-
18.2.	*Lợi nhuận sau thuế của cổ đông của công ty mẹ*	*62*		38,321,045,502	62,910,878,641
19.	Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	VI.9	1,658	2,629

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT

(Theo phương pháp gián tiếp)

Năm 2010

Đơn vị tính: VND

	CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
I.	**Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh**				
1.	***Lợi nhuận trước thuế***	***01***		***40,425,781,570***	***68,259,791,512***
2.	***Điều chỉnh cho các khoản:***				
-	Khấu hao tài sản cố định	02	V.11	8,456,928,343	4,636,302,373
-	Các khoản dự phòng	03	V.6,V.8,V.14	(557,045,515)	(47,025,419,117)
-	Lãi, lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái chưa thực hiện	04		-	-
-	Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư	05		(7,333,698,777)	29,639,275,482
-	Chi phí lãi vay	06	VI.4	777,904,252	1,438,685,664
3.	***Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động***	***08***		***41,769,869,873***	***56,948,635,914***
-	Tăng, giảm các khoản phải thu	09		574,496,434	(36,442,373,225)
-	Tăng, giảm hàng tồn kho	10		(41,027,146,534)	14,282,167,196
-	Tăng, giảm các khoản phải trả	11		(6,587,163,522)	22,673,123,549
-	Tăng, giảm chi phí trả trước	12		(370,207,137)	56,845,783
-	Tiền lãi vay đã trả	13		(777,904,252)	(1,438,685,664)
-	Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	14	V.20	(5,199,046,591)	-
-	Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	15		-	-
-	Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	16		-	(2,447,478,588)
	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	***20***		***(11,617,101,729)***	***53,632,234,965***
II.	**Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư**				
1.	Tiền chi để mua sắm, xây dựng tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác	21	V.11	(1,837,993,046)	(1,141,965,542)
2.	Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác	22	VI.7	727,636,364	3,193,881,527
3.	Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23		(46,367,000,000)	(137,600,000,000)
4.	Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24		102,853,745,000	70,209,755,000
5.	Tiền chi đầu tư, góp vốn vào đơn vị khác	25		-	-
6.	Tiền thu hồi đầu tư, góp vốn vào đơn vị khác	26	V.12	350,000,000	18,271,169,940
7.	Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27	V.5,VI.3	10,296,099,653	800,872,396
	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	***30***		***66,022,487,971***	***(46,266,286,679)***
III.	**Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính**				
1.	Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận góp vốn của chủ sở hữu	31		-	-
2.	Tiền chi trả góp vốn cho các chủ sở hữu, mua lại cổ phiếu của doanh nghiệp đã phát hành	32	V.24	(30,346,521,940)	(1,469,344,000)
3.	Tiền vay ngắn hạn, dài hạn nhận được	33	V.17	73,985,779,100	73,920,199,823
4.	Tiền chi trả nợ gốc vay	34	V.17	(80,545,860,599)	(85,216,287,073)
5.	Tiền chi trả nợ thuê tài chính	35		-	-
6.	Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36	V.24	(3,500,000)	-
	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	***40***		***(36,910,103,439)***	***(12,765,431,250)***
	Lưu chuyển tiền thuần trong năm	**50**		**17,495,282,803**	**(5,399,482,964)**
	Tiền và tương đương tiền đầu năm	**60**	**V.1**	**27,493,626,686**	**32,594,593,815**
	Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61		263,717,626	298,516,835
	Tiền và tương đương tiền cuối năm	**70**	**V.1**	**45,252,627,115**	**27,493,627,686**

V. GIẢI TRÌNH BÁO CÁO TÀI CHÍNH 2010

1. KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP:

1.1. Đơn vị kiểm toán độc lập: Công Ty Kiểm Toán và Tư Vấn A&C.

2.2. Chứng thư (báo cáo) kiểm toán:

BAKER TILLY
A&C
CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN VÀ TƯ VẤN
AUDITING AND CONSULTING CO., LTD.

Headquarters : 229 Dong Khoi St., Dist.1, Ho Chi Minh City
Tel: (84.8) 38 272 295 - Fax: (84.8) 38 272 300
Branch in Ha Noi : 40 Giang Vo St., Dong Da Dist., Ha Noi City
Branch in Nha Trang : 18 Tran Khanh Du St., Nha Trang City
Branch in Can Tho : 162C/4 Tran Ngoc Que St., Can Tho City
www.a-c.com.vn

Số: 0176/2011/BCTC-KTTV

BÁO CÁO KIỂM TOÁN
VỀ BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT NĂM 2010
CỦA CÔNG TY CỔ PHẦN NHỰA TÂN ĐẠI HƯNG

Kính gửi: **QUÝ CỔ ĐÔNG, HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ TỔNG GIÁM ĐỐC**
CÔNG TY CỔ PHẦN NHỰA TÂN ĐẠI HƯNG

Chúng tôi đã kiểm toán Báo cáo tài chính hợp nhất năm 2010 của Công ty cổ phần nhựa Tân Đại Hưng bao gồm Báo cáo tài chính của Công ty cổ phần nhựa Tân Đại Hưng (công ty mẹ) và Công ty TNHH TDH (công ty con) (gọi chung là Tập đoàn) gồm: Bảng cân đối kế toán hợp nhất tại thời điểm ngày 31 tháng 12 năm 2010, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất và Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, được lập ngày 22 tháng 02 năm 2011, từ trang 07 đến trang 32 kèm theo.

Việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất này thuộc trách nhiệm của Tổng Giám đốc Công ty cổ phần nhựa Tân Đại Hưng. Trách nhiệm của Kiểm toán viên là đưa ra ý kiến về các báo cáo này dựa trên kết quả công việc kiểm toán.

Cơ sở ý kiến

Quá trình kiểm toán được thực hiện theo hướng dẫn của các Chuẩn mực kiểm toán của Việt Nam. Các Chuẩn mực này yêu cầu công việc kiểm toán phải lập kế hoạch và thực hiện để có sự đảm bảo hợp lý rằng các Báo cáo tài chính hợp nhất không còn chứa đựng các sai sót trọng yếu. Chúng tôi đã thực hiện kiểm toán theo phương pháp chọn mẫu và áp dụng các thử nghiệm cần thiết, kiểm tra các bằng chứng xác minh những thông tin trong Báo cáo tài chính hợp nhất; đánh giá việc tuân thủ các Chuẩn mực và Chế độ kế toán hiện hành, các nguyên tắc và phương pháp kế toán được áp dụng, các ước tính và xét đoán quan trọng của Tổng Giám đốc cũng như cách trình bày tổng thể Báo cáo tài chính hợp nhất. Chúng tôi tin rằng công việc kiểm toán đã cung cấp những cơ sở hợp lý cho ý kiến của Kiểm toán viên.

Các vấn đề ảnh hưởng đến ý kiến của Kiểm toán viên

Chúng tôi chỉ được yêu cầu xem xét các số liệu kế toán phát sinh từ năm 2008 của Công ty TNHH TDH; do đó, chúng tôi không thể đưa ra ý kiến về các số liệu phát sinh từ trước năm 2008 cũng như ảnh hưởng của các số liệu này đến các chỉ tiêu được trình bày trong Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2010.

Ý kiến của Kiểm toán viên

Theo ý kiến chúng tôi, ngoại trừ những ảnh hưởng (nếu có) của các vấn đề nêu trên, Báo cáo tài chính hợp nhất đề cập đã phản ánh trung thực và hợp lý trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính hợp nhất tại thời điểm ngày 31 tháng 12 năm 2010, kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm tài chính kết thúc cùng ngày của Tập đoàn, đồng thời phù hợp với các Chuẩn mực, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan.

Không phủ nhận ý kiến nêu trên, chúng tôi chỉ muốn lưu ý người đọc Báo cáo tài chính đến thuyết minh số VII.3 trong Bản thuyết minh Báo cáo tài chính liên quan đến việc xử lý chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại số dư có gốc ngoại tệ của các khoản mục tiền tệ. Theo đó, khoản lãi chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại số dư có gốc ngoại tệ cuối năm của tiền và các khoản nợ ngắn hạn là 3.388.541.428 VND (số đầu năm là 2.254.791.200 VND) được phản ánh trên Bảng cân đối kế toán (chỉ tiêu Chênh lệch tỷ giá hối đoái) thay vì được kết chuyển vào thu nhập theo hướng dẫn của Chuẩn mực kế toán Việt Nam.

Báo cáo được lập bằng tiếng Việt và tiếng Anh có giá trị như nhau. Bản tiếng Việt là bản gốc khi cần đối chiếu.

Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn (A&C)

Lý Quốc Trung - Phó Tổng Giám đốc
Chứng chỉ kiểm toán viên số: Đ.0099/KTV

Đỗ Thị Mai Loan - Kiểm toán viên
Chứng chỉ kiểm toán viên số: Đ.0090/KTV

TP. Hồ Chí Minh, ngày 18 tháng 3 năm 2011

2. KIỂM TOÁN NỘI BỘ:

Báo Cáo của Ban Kiểm Soát về Báo Cáo Tài Chính Hợp Nhất Năm 2010 và Kết Quả Hoạt Động Kiểm soát Năm 2010 của Cty CP Nhựa Tân Đại Hưng

- Căn cứ Luật Doanh nghiệp số 60/2005/QH11 được Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam khoá 11, kỳ họp thứ 8 thông qua ngày 29/11/2005;
- Căn cứ Điều lệ của Công ty cổ phần Nhựa Tân Đại Hưng ngày 18/11/2007.
- Căn cứ chức năng nhiệm vụ của Ban kiểm soát được qui định tại điều 37 của bản Điều lệ Công ty CP nhựa Tân Đại Hưng.
- Căn cứ vào tình hình hoạt động và báo cáo tài chính hợp nhất 2010 của Công ty CP Nhựa Tân Đại Hưng.

Ban Kiểm Soát Báo Cáo Đại Hội Đồng Cổ Đông như sau:

I. Tổ chức và hoạt động của Ban kiểm soát năm 2010:

1. Ban Kiểm soát gồm 3 ủy viên, Trưởng Ban kiểm soát trực tiếp điều hành các hoạt động của BKS.
2. Ban kiểm soát họp định kỳ 3 tháng/lần để đánh giá tình hình kết quả hoạt động và xây dựng chương trình làm việc của những tháng kế tiếp.
3. Các ủy viên của BKS thường xuyên trao đổi hội ý, và tiếp cận các số liệu, tiếp xúc với Cán bộ công nhân của công ty, qua đó đã phản ánh và đưa ra nhiều ý kiến để góp ý cho HĐQT và BGĐ.
4. Ban kiểm soát được HĐQT và BGĐ lắng nghe và luôn tạo mọi điều kiện để thực hiện chức năng nhiệm vụ, BKS còn được mời tham dự tất cả cuộc họp định kỳ hàng qúi của HĐQT.
5. Đánh giá chung: BKS đã thực hiện đầy đủ chức năng nhiệm vụ theo điều lệ công ty.

II. Kết quả thẩm tra báo cáo tài chính hợp nhất năm 2010:

Ban kiểm soát đã thực hiện việc kiểm tra báo Cáo tài chính hợp nhất năm 2010 của Cty CP Nhựa Tân Đại hưng và thống nhất xác nhận kết quả như sau:

1. Việc Ghi chép, lưu trữ chứng từ và lập sổ sách kế toán được thực hiện đúng theo nghị định 158/2003/NĐ- CP ngày 10/12/2003.
2. Các báo cáo tài chính năm 2010 của cty Tân Đại Hưng lập đúng biểu mẫu ban hành theo quyết định 15/2006/QĐ-BTC ngày 20/03/2006 của Bộ tài Chính.
3. Báo cáo tài chính đã trình bày trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Cty TDH tại ngày 31/12/2010; phù hợp với chuẩn mực kế toán Việt Nam và các qui định hiện hành của pháp luật qui định.
4. Nhất trí vời các số liệu tài chính đã được kiểm tóan bởi Cty Kiểm tóan A&C được thể hiện tóm tắt như sau:

Bảng Cân Đối Kế Toán *đvt: VNĐ*

Stt	Nội dung	2010	2009
I	**TÀI SẢN NGẮN HẠN**	**290,355,611,624**	**270,194,300,029**
1	Tiền và các khoản tương đương tiền	45,252,627,115	27,493,626,686
2	Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn	10,903,500,000	67,390,245,000
3	Các khoản phải thu ngắn hạn	107,887,189,557	96,994,094,921
4	Hàng tồn kho	108,654,108,502	65,519,784,267
5	Tài sản ngắn hạn khác	17,658,186,450	12,796,549,156
II	**TÀI SẢN DÀI HẠN**	**84,149,991,498**	**96,152,216,187**
1	Các khoản phải thu dài hạn		-
2	- Tài sản cố định		-
	- Tài sản cố định hữu hình	42,220,147,042	50,992,898,319
3	Bất động sản đầu tư		-
4	Các khoản đầu tư tài chính dài hạn	41,114,082,845	45,109,945,964
5	Tài sản dài hạn khác	815,761,611	49,371,904
III	**TỔNG CỘNG TÀI SẢN**	**374,505,603,122**	**366,346,516,216**
IV	**NỢ PHẢI TRẢ**	**39,161,387,443**	**40,110,574,327**
1	Nợ ngắn hạn	36,738,879,928	37,800,598,490
2	Nợ dài hạn	2,422,507,515	2,309,975,837
V	**VỐN CHỦ SỞ HỮU**	**335,344,215,679**	**326,235,941,889**
1	Vốn chủ sở hữu	335,344,215,679	326,235,941,889
	- Vốn đầu tư của chủ sở hữu	244,305,960,000	205,460,000,000
	- Thặng dư vốn cổ phần	86,242,518,451	125,088,478,451
	- Vốn khác của chủ sở hữu	-	-
	- Cổ phiếu quỹ	(40,632,476,860)	(10,285,954,920)
	- Chênh lệch đánh giá lại tài sản	-	-
	- Chênh lệch tỷ giá hối đoái	3,388,541,428	2,254,791,200.00
	- Các quỹ	-	-
	- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	42,039,672,660	3,718,627,158
	- Nguồn vốn đầu tư XD cơ bản	-	-

2	Nguồn kinh phí và quỹ khác	-	-
	- Quỹ khen thưởng phúc lợi	-	-
	- Nguồn kinh phí	-	-
	- Nguồn kinh phí đã hình thành TSCĐ	-	-
VI	**TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN**	**374,505,603,122**	**366,346,516,216**

Kết Quả Hoạt Động Kinh Doanh

đvt: VNĐ

Stt	Chỉ tiêu	2010
1	Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	447,235,717,622
2	Các khoản giảm trừ doanh thu	1,016,707,712
3	Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	446,219,009,910
4	Giá vốn hàng bán	379,874,665,356
5	Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	66,344,344,554
6	Doanh thu hoạt động tài chính	10,854,459,880
7	Chi phí hoạt động tài chính	9,881,715,703
	- Trong đó : Chi phí lãi vay	777,904,252
8	Chi phí bán hàng	16,127,765,240
9	Chi phí quản lý doanh nghiệp	11,415,442,492
10	Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	39,773,880,999
11	Thu nhập khác	2,353,132,007
12	Chi phí khác	2,156,275,866
13	Lợi nhuận khác	196,856,141
16	Thuế thu nhập doanh nghiệp	2,490,623,228
17	Chi Phí Thuế TN Hõan Lại	(385,887,160)
18	Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	38,321,045,502
19	Lãi cơ bản trên mỗi cổ phiếu	1,658

III. Đánh giá tình hình hoạt động của công ty.

1. Hội đồng quản trị và Ban giám đốc công ty đã triển khai và hoàn thành vượt mức kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2010, đây là kết quả mà tập thể CB CNV Tân Đại Hưng đã hoàn thành xuất sắc, cụ thể:

Tiêu chí	*Chỉ tiêu 2010*	*Thực hiện*	*So sánh*
Sản lượng bao bì (tấn)	***6,600***	***7,751***	***Vượt 17,4 % chỉ tiêu 2010 (tăng 13% so với 2009)***
Doanh thu bao bì:	***260***	***350***	***Vượt 35 % chỉ tiêu 2010 (tăng 30 % so với 2009)***
Lợi nhuận sau thuế (tỷ đồng)	***23***	***38,3***	***Vượt 66 % chỉ tiêu 2010***

2. Công ty hoạt động ổn định, có nhiều mặt cải tiến và phát triển trong năm 2010 dù môi trường kinh doanh biến động và khó khăn. Việc sắp xếp lại các phân xưởng và bộ máy quản lý sản xuất là đúng đắn và cần thiết nhằm nâng cao trách nhiệm và hiệu quả quản lý.
3. Qua việc thực hiện kiểm toán, tình hình hoạt động tài chính của Cty lành mạnh, Cty đã chấp hành đúng chính sách chế độ nhà nước, nộp các khoản thuế đầy đủ, hệ thống sổ sách chứng từ rõ ràng và đầy đủ, kiểm soát chặt chẽ thu chi, thanh toán, quản lý điều phối tốt dòng tiền, cập nhật và cung cấp thông tin giá thành thực tế, đã thực thi nhiều biện pháp để kiểm soát nội bộ.
4. Ban Kiểm soát nhận định các biện pháp quản lý điều hành của HĐQT và BGĐ Cty là những giải pháp chủ động, linh hoạt, tích cực, hợp lý và hiệu quả để mang đến lợi ích tốt nhất cho Cty.

IV. Những nhận xét và kiến nghị với Công ty:

1. Tiếp tục phát huy hệ thống kiểm soát nội bộ hoạt động hiệu quả để giảm giá thành, bảo đảm chất lượng sản phẩm, cũng cố và nâng cao vị thế cạnh tranh trên thương trường trong tình hình kinh tế chi phí đầu vào ngày càng tăng cao, mà giá bán thì rất canh tranh.
2. Tăng cường hơn nữa việc kiểm soát phòng chống rủi ro, đặc biệt về công nợ bán hàng.

V. Phương hướng hoạt động của BKS năm 2011.

1. Thực hiện đúng và đủ chức năng nhiệm vụ của Ban kiểm soát, kiểm tra giám sát các hoạt động của Công ty trong chấp hành điều lệ công ty, các nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông, các nghị quyết của hội đồng quản trị và các qui chế quản trị của công ty.
2. Duy trì chế độ hội họp, làm việc và thông tin thường xuyên trong Ban kiểm soát.
3. Phát huy hơn nữa việc phản ánh tình hình và đưa ra những ý kiến đề xuất cho HĐQT và BGĐ công ty trong tất cả hoạt động.

BAN KIỂM SOÁT CÔNG TY CP NHỰA TÂN ĐẠI HƯNG.
TRƯỞNG BAN
NGUYỄN VĂN HÒA

VI. CÔNG TY CON VÀ CÔNG TY CÓ LIÊN QUAN

1. Tổ chức, Công ty nắm giữ trên 50% vốn cổ phần/vốn góp của công ty CP Nhựa Tân Đại Hưng:

Không

2. Công ty có trên 50% vốn cổ phần/vốn góp do công ty CP Nhựa Tân Đại Hưng nắm giữ:

Công ty CP nhựa Tân Đại Hưng đang sở hữu 100% vốn điều lệ 45 tỷ của "Công ty TNHH TĐH", GCNĐKKD số: 5002000837 do Sở KHĐT Tỉnh Long An cấp ngày 22/05/2006, địa chỉ: Lô C11-C15 Cụm Công Nghiệp Nhựa Đức Hòa, Long An. Đây là nhà máy và kho hàng của Công ty CP nhựa Tân Đại Hưng.

3. Tình hình đầu tư vào các công ty có liên quan:

Công CP Tân Đại Hưng đã tham gia góp vốn vào các công ty:

- Góp 17,5 tỷ (35% vốn) thành lập Công ty CP Đại Hưng Thịnh, kinh doanh nguyên phụ liệu nhựa.
- Góp 1,75 tỷ (17,5% vốn) thành lập Công ty CP ĐHP, sản xuất kinh doanh nhựa tái sinh.
- Góp 1,5 tỷ vào vốn hoạt động của Công ty CP Đầu Tư và Xây Dựng Tân Đô.
- Góp 10 tỷ (10% vốn) thành lập Công ty CP Đầu tư xây dựng và dịch vụ hạ tầng Á Châu, kinh doanh cảng ICD và kho bãi Tân Cảng Cái Mép và 2 KCN tại tỉnh BRVT.

4. Tóm tắt về hoạt động và tình hình tài chính của các công ty liên quan:

- Công ty CP Đại Hưng Thịnh: tuy gặp nhiều khó khăn do biến động giá và chênh lệch tỷ giá nhưng vẫn có lãi, chia lãi năm 2010 cho Công ty Tân Đại Hưng 1.050.000.000 đồng.
- Công ty CP ĐHP đã đi vào hoạt động thực tế nhưng qui mô còn nhỏ, hiệu quả chưa cao, chưa trích chia lãi.
- Công ty Đầu tư và xây dựng Tân Đô: vẫn còn trong giai đoạn đầu tư, chưa sinh lợi
- Công ty Đầu tư xây dựng và dịch vụ hạ tầng Á Châu: vẫn còn trong giai đoạn đầu tư, chưa sinh lợi.

VII. TỔ CHỨC VÀ NHÂN SỰ

1. CƠ CẤU TỔ CHỨC:

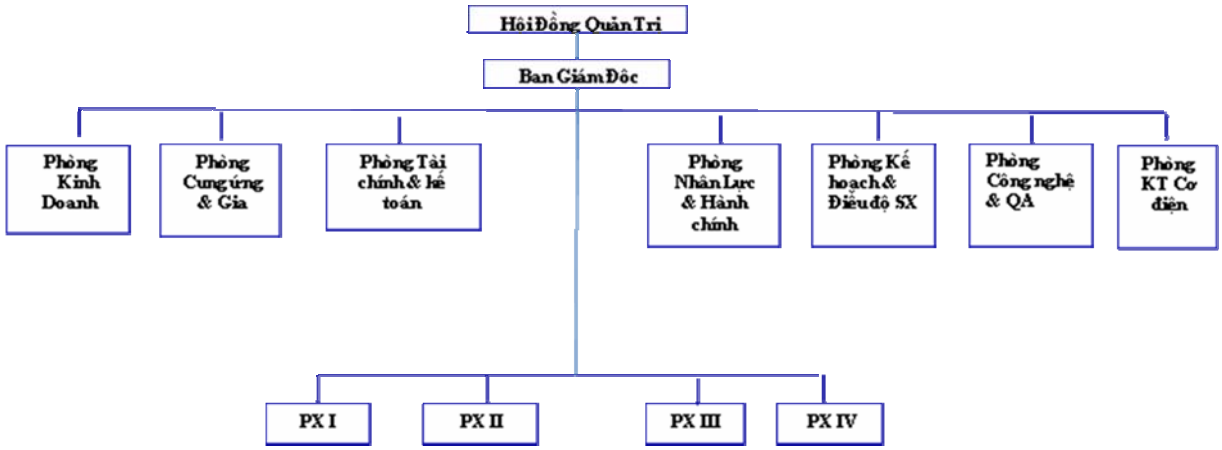

Ghi chú: ***Những thay đổi so với cơ cấu tổ chức năm 2009***

- Sắp xếp lại các phân xưởng sản xuất: PXI *(gồm các khâu Kéo sợi và dệt)*, PX *II (gồm các khâu Tráng-Ghép màng-PE-Taical/UV và lộn bao)*, PX III *(Cắt)*, PX IV *(gồm các khâu In-May-LĐPT và Đóng kiện)*.
- Bố trí các nhân viên thống kê và thủ kho bán thành phẩm trực thuộc mỗi Giám đốc phân xưởng để cung cấp thông tin kịp thời cho điều hành của PX.

2. SỐ LƯỢNG CBNV VÀ CHÍNH SÁCH ĐỐI VỚI NGƯỜI LAO ĐỘNG:

2.1. Số lượng CBNV công ty tại thời điểm 31/12/2010 như sau:

Vị trí công việc	*Tổng số CBNV và CN*	*Trình độ*					*Thời gian làm việc tại công ty*			
		Cấp 1	*Cấp 2*	*Cấp 3*	*TC/CĐ*	*ĐH*	*Dưới 1 năm*	*Từ 1 đến 5 năm*	*Từ 6 đến 10 năm*	*Trên 10 năm*
Cán bộ quản lý	*51*	-	20	10	5	16	2	15	12	22
NV nghiệp vụ KT	*130*	3	40	43	33	11	22	58	19	31
Công nhân	*544*	41	368	132	3	-	170	254	73	44
Cộng	*725*	44	428	185	41	27	194	327	104	97
Tỷ trọng	*100%*	*6%*	*59%*	*26%*	*6%*	*4%*	*27%*	*45%*	*14%*	*13%*

Ghi chú: Tổng số lao động cuối năm 2010 tăng 10,4% so với cuối năm 2009

2.2. Cơ cấu lao động cuối năm 2010 như sau:

- Cán bộ quản lý điều hành: = 7%
- Nhân viên nghiệp vụ kỹ thuật: = 18% *(tăng nhẹ so với 2009 do tăng KCS gia công)*
- CN trực tiếp sản xuất: = 75%

Cơ cấu này là hợp lý với qui mô của công ty và của ngành

2.3. Chính sách đãi ngộ đối với người lao động:

- Công ty vẫn bảo đảm duy trì đầy đủ các chính sách đãi ngộ *(HĐLĐ, trích đóng thay BHXH & BHYT&BHTN, thưởng lương tháng 13, thưởng thành tích ABC, thưởng sáng kiến cải tiến, thưởng điển hình xuất sắc, thưởng thâm niên, tặng quà lễ tết, khám sức khỏe định kỳ, tổ chức tham quan nghỉ mát hàng năm, các loại phụ cấp, cung cấp bữa ăn giữa ca, khu lưu trú miễn phí, tổ chức xe đưa đón,...).*
- Áp dụng hệ thống cơ cấu thu nhập mới cho tất cả hệ thống vị trí công việc, trong đó điều chỉnh lại đơn giá lương sản phẩm mới, ban hành các phụ cấp *(thưởng)* gắn liền với đánh giá kết quả theo mục tiêu quản lý của mỗi loại công việc. Kết quả thu nhập của công nhân tăng 20,4% cán bộ nhân viên quản lý tăng 26,3% so với năm 2009 làm cho thấy tâm lý người lao động phấn khởi, an tâm cho CBNV và công nhân trong tình hình chi phí sinh hoạt ngày càng tăng, số lượng nghỉ việc và vi phạm nội qui qui trình giảm hẳn, CBCN quan tâm thực sự đến các kết quả công việc thuộc trách nhiệm của mình *(vì gắn liền với lợi ich/thu nhập)*.

3. TÓM TẮT LÝ LỊCH BAN GIÁM ĐỐC CÔNG TY :

TT	*Họ và tên*	*Giới tính*	*Năm sinh*	*Trình độ*	*Chức danh trong BGĐ*	*Ngày bổ nhiệm*
1	***Nguyễn văn Hùng***	Nam	1953	ĐH K/Tế	***Tổng Giám Đốc***	11/8/2007
2	***Nguyễn thị thanh Loan***	Nữ	1962	ĐH TCKT	***GĐ Tài chính***	11/8/2007
3	***Tôn thị hồng Minh***	Nữ	1974	ĐH K/Tế	***GĐ Kinh doanh***	11/8/2007
4	***Phạm văn Mẹo***	Nam	1963	TC H/chính	***GĐ HCNS/GĐ nhà máy***	11/8/2007
5	***Trần hữu Vinh***	Nam	1977	ĐH K/Tế	***GĐ Kế hoạch ĐĐSX***	11/8/2007

4. THAY ĐỔI NHÂN SỰ TRONG BAN GIÁM ĐỐC:

- Bà Đỗ thị Quế Thanh, Giám đốc Cung ứng Gia công, đã xin nghỉ hưu từ ngày 16/09/2010 *(Công ty đã báo cáo và công bố thông tin),* công ty không duy trì vị trí này trong Ban Giám Đốc.

5. CHÍNH SÁCH ĐÃI NGỘ ĐỐI VỚI BAN GIÁM ĐỐC:

- Tiền lương và chế độ thu nhập của BGĐ công ty được thực hiện theo thỏa thuận trực tiếp giữa HĐQT với từng cá nhân khi tuyển dụng và bổ nhiệm, phù hợp với các qui định chung và trách nhiệm được giao, đáp ứng sự cạnh tranh nhân lực cấp trung cao.
- Các thành viên trong đều không vay nợ của công ty và không cho công ty vay, không ký kết các hợp đồng kinh tế với công ty.

6. SỞ HỮU CỔ PHẦN CỦA BGĐ CÔNG TY:

TT	*Họ và tên*	*Chức danh*	*TSCP sở hữu*	*Tỷ lệ /TSCP*	*Ghi chú*
1	***Nguyễn văn Hùng***	Tổng Giám Đốc	**26,400**	***0.12%***	
2	***Nguyễn thị thanh Loan***	GĐ Tài chính	**57,600**	***0.27%***	
3	***Tôn thị hồng Minh***	GĐ Kinh doanh	**52,800**	***0.25%***	
4	***Phạm văn Mẹo***	GĐ HCNS/GĐ nhà máy	**180,000**	***0.85%***	
5	***Trần hữu Vinh***	GĐ Kế hoạch ĐĐSX	**2,400**	***0.011%***	

- Các thành viên BGĐ không giao dịch cổ phiếu trong năm 2010; số lượng và tỷ lệ sở hữu cổ phiếu có thay đổi là do tác động của thụ hưởng thêm cổ phiếu thưởng và công ty đã mua thêm 2,5 triệu cổ phiếu qũy trong năm 2010
- Bà Đỗ Thị Quế Thanh, thành viên BGĐ, Giám Đốc Cung ứng & Gia công đã nghỉ hưu từ ngày 16/9/2010; tuy nhiên vẫn đang sở hữu tất cả cổ phiếu và không giao dịch trong năm 2010.

VIII. THÔNG TIN VỀ CỔ ĐÔNG VÀ QUẢN TRỊ CÔNG TY

1. THÔNG TIN LIÊN QUAN ĐẾN HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN KIỂM SOÁT:

1.1. Tóm tắt Lý lịch cá nhân cũa HĐQT và BKS:

Hội Đồng Quản Trị:

TT	*Họ và tên*	*Giới tính*	*N.sinh*	*Trình độ*	*Chức danh*	*Ngày bổ nhiệm*	*Ghi chú*
1	***Ông Phạm Trung Cang***	Nam	1954	ĐH K/Tế	CT HĐQT	11/8/2007	***Thành viên độc lập***
2	***Ông Nguyễn Văn Hùng***	Nam	1953	ĐH K/Tế	PCT HĐQT	11/8/2007	Tổng Giám Đốc
3	***Bà Nguyễn Thị Thanh Loan***	Nữ	1962	ĐH TCKT	T/v HĐQT	11/8/2007	GĐ Tài chính
4	***Bà Tôn Thị Hồng Minh***	Nữ	1974	ĐH K/Tế	T/v HĐQT	11/8/2007	GĐ Kinh doanh
5	***Ông Phạm Văn Mẹo***	Nam	1963	TC H/chính	T/v HĐQT	11/8/2007	GĐHCNS/GĐNM
6	***Bà Đào Thanh Tuyền***	Nữ	1973	ĐH TCKT	T/v HĐQT	10/09/2008	***Thành viên độc lập***
7	***Ông Nguyễn Hữu Phú***	Nam	1946	ĐH Luật	T/v HĐQT	11/8/2007	***Thành viên độc lập***

Ban Kiểm Sóat:

TT	*Họ và tên*	*Giới tính*	*N.sinh*	*Trình độ*	*Chức danh*	*Ngày bổ nhiệm*	*Ghi chú*
1	***Ông Nguyễn Văn Hòa***	Nam	1969	ĐH TCKT	Trưởng BKS	11/8/2007	***Thành viên độc lập***
2	***Bà Lê Thị Mỹ Ngọc***	Nữ	1978	ĐH TCKT	Ủy viên	11/8/2007	***Thành viên độc lập***
3	***Bà Lê thị Minh Trí***	Nữ	1981	TC TCKT	Ủy viên	11/8/2007	***Thành viên độc lập***

1.2. Những thay đổi nhân sự của HĐQT và BKS: không thay đổi trong năm 2010.

1.3. Thù lao và quyền lợi của thành viên HĐQT và BKS:

- Thù lao, các khoản lợi ích và chi phí cho thành viên HĐQT và thành viên Ban kiểm soát được thực hiện đúng theo quyết nghị của Đại Hội Đồng Cổ Đông Thường Niên 2010 là:
  - ✓ Hội Đồng Quản Trị: chỉ hưởng thù lao mỗi qúi là 15.000.000 đồng/người, tổng chi phí thù lao cho 07 thành viên HĐQT trong năm 2010 là 420 triệu đồng. Ban Kiểm sóat: chỉ hưởng thù lao mỗi qúi là 10.000.000 đồng/người, tổng chi phí thù lao cho 03 thành viên BKS trong năm 2010 là 120 triệu đồng.
  - ✓ Tổng thù lao của HĐQT và BKS năm 2010 là 540 triệu đồng.
- Quyền, lợi ích và trách nhiệm của các thành viên HĐQT và BKS công ty được thực hiện đúng theo điều lệ công ty và những qui định pháp luật.
- Không có giao dịch kinh doanh trực tiếp từ những cá nhân trong HĐQT và BKS với công ty, giao dịch kinh doanh từ tổ chức nơi họ làm việc với công ty được thực hiện minh bạch, đúng pháp luật và hợp đồng kinh tế; không có xung đột lợi ích giữa cá nhân HĐQT và BKS hoặc tổ chức nơi họ làm việc với công ty.

1.4. Tỷ lệ sở hữu cổ phần và những thay đổi trong tỷ lệ nắm giữ cổ phần của thành viên HĐQT và BKS:

TT	*Họ và tên*	*Chức danh*	*Số SP sở hữu*	*Tỷ lệ (%)*
	HĐQT			
1	***Ông Phạm Trung Cang***	**Chủ Tịch HĐQT**	**1,840,560**	***8.65%***
2	***Ông Nguyễn Văn Hùng***	**Phó CT HĐQT/TGĐ**	**26,400**	***0.12%***
3	***Bà Nguyễn Thị Thanh Loan***	**Thành viên HĐQT/GĐ Tài chính**	**57,600**	***0.27%***
4	***Bà Tôn Thị Hồng Minh***	**Thành viên HĐQT/GĐ Kinh doanh**	**52,800**	***0.25%***
5	***Bà Đào Thanh Tuyền***	**Thành viên HĐQT**	**3,600**	***0.02%***
6	***Ông Phạm Văn Mẹo***	**Thành viên HĐQT/GĐ HCNS**	**180,000**	***0.85%***
7	***Ông Nguyễn Hữu Phú***	**Thành viên HĐQT**	**6,000**	***0.03%***
	BKS			
1	***Ông Nguyễn văn Hòa***	**Trưởng BKS**	**24,000**	***0.11%***
2	***Bà Lê thị mỹ Ngọc***	**Ủy viên BKS**	**9,276**	***0.04%***
3	***Bà Lê thị minh Trí***	**Ủy viên BKS**	**600**	***0.003%***

- Tất cả thành viên HĐQT và BKS *(cổ đông nội bộ)* và những "người có liên quan" đều không giao dịch cổ phiếu trong năm 2010;
- Số lượng và tỷ lệ sở hữu cổ phiếu có thay đổi là do tác động của thụ hưởng thêm cổ phiếu thưởng và công ty đã mua thêm 2,5 triệu cổ phiếu qũy trong năm 2010.

2. HOẠT ĐỘNG CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN KIỂM SOÁT:

2.1. Tóm lược hoạt động của Hội Đồng Quản Trị trong năm 2010:

2.1.1. Tổ chức thực hiện nghiêm túc Quy chế quản trị công ty, Qui chế công bố thông tin

2.1.2. Tổ chức Đại Hội Đồng Cổ Đông Thường Niên Năm 2010 vào ngày 31/03/2010 đúng pháp luật và qui định, điều lệ công ty và đạt các mục đích yêu cầu.

2.1.3. Thông tin phản hồi nhanh chóng và thỏa đáng, đúng pháp luật và điều lệ tất cả ý kiến thắc mắc của cổ đông.

2.1.4. Quản lý cổ phiếu:

- Hoàn tất việc phát hành cổ phiếu thưởng năm 2010 theo tỷ lệ 10:2, hoàn tất các thủ tục đăng ký chứng khoán - niêm yết và giao dịch 3.884.596 cổ phiếu bổ sung, hoàn tất đăng ký vốn điều lệ mới là 244.305.960.000 đ tại Sở Kế Hoạch và đầu tư *(GCN cấp ngày 23/08/2010)*.
- Hoàn tất việc mua thêm 2,5 triệu cổ phiếu qũy theo nghị quyết ĐHĐCĐ *(đưa tổng số cổ phiếu qũy thành 3,161,640 = 19,24% TS cổ phiếu TPC đã phát hành)*.
- Theo dõi thị giá và giao dịch cổ phiếu TPC và các loại cổ phiếu EIB và ALT do công ty đang sở hữu.

2.1.5. HĐQT tập trung tổ chức và giám sát trong các lĩnh vực: thực hiện nghị quyết ĐHĐCĐ 2010, chỉ tiêu kế hoạch năm 2010 và nghị quyết HĐQT các quí, quản lý nhân sự cấp trung cao, cơ cấu tổ chức và cơ chế điều hành, chính sách chế độ làm việc và đãi ngộ người lao động. HĐQT đã ra những quyết định quan trọng về:

- Cơ cấu tổ chức và cơ cấu điều hành mới tại nhà máy, chế độ tiền lương nhằm phát huy hơn nữa trách nhiệm và gắn liền với thu nhập và lợi ích của bộ máy quản lý và của người lao động, tạo thuận lợi cho việc tuyển dụng và duy trì nhân lực.
- Quyết định thanh lý và đầu tư mới 1 số máy móc thiết bị;
- Quyết định về mức tăng chi phí thuê nhà xưởng.
- Chấp nhận đơn thôi việc của bà Đỗ Thị Quế Thanh, Giám đốc Cung Ứng, xin nghỉ hưu từ ngày 16/09/2010. HĐQT đã hủy bỏ chức danh này trong Ban Giám Đốc.

2.1.6. Tổ chức và tham gia đoàn khảo sát thị trường và các khách hàng của công ty tại Châu Âu trong năm 2010.

2.1.7. Tổ chức hiệu quả 02 sự kiện: Tiếp Đoàn Đại Biểu Quốc Hội và các Ban Ngành Đoàn Thể Tỉnh Long An đến làm việc ngày 25/02/2010, tiếp và làm việc với Đoàn của Bộ Công Thương ngày 19/08/2010.

2.1.8. Hỗ trợ, thúc đẩy tổ chức và hoạt động của các Công ty Đại Hưng Thịnh và ĐHP (có vốn đầu tư của công ty), cả 2 công ty đều hoạt động tương đối ổn định và có hiệu quả nhất định.

2.2. Tổ chức của Hội Đồng Quản Trị:

- HĐQT công ty không có tiểu ban.
- Chủ tịch HĐQT điều hành các hoạt động của HĐQT đúng theo điều lệ, qui chế, thẩm quyền, các mục tiêu chương trình đã được ĐHĐCĐ và HĐQT quyết định thông qua các kỳ họp định kỳ và đột xuất.
- Các thành viên độc lập trong HĐQT *(cũng như tất cả các thành viên HĐQT và BKS)* đều được chia sẽ đầy đủ kịp thời các thông tin nội bộ; sâu sát nắm vững tình hình; phát huy vai trò tư vấn, tham gia trong hoạch định, quyết định các các chủ trương kế hoạch và giám sát các hoạt động của công ty, thể hiện đầy đủ vai trò và trách nhiệm đúng theo điều lệ công ty.

2.3. Tóm lược hoạt động của Ban Kiểm Soát trong năm 2010:

- Ban kiểm soát hoạt động độc lập do Trưởng BKS điều hành, duy trì đầy đủ chế độ hội họp định kỳ, thực hiện đúng trách nhiệm quyền hạn.
- Quan hệ giữa Ban kiểm soát/kiểm soát viên với HĐQT cũng như với tất cả tổ chức và hoạt động của công ty được thực hiện đúng theo điều lệ và qui chế quản trị.
- Các thành viên Ban kiểm soát đều được HĐQT mời tham dự *(dự thính)* tất cả các cuộc họp định kỳ của HĐQT để trực tiếp nêu ý kiến và góp ý cho HĐQT trước khi quyết định các chủ trương quyết sách và mục tiêu kế hoạch qúi/năm và các kế hoạch dự án của công ty.

2.4. Kế hoạch để tăng cường hiệu quả quản trị công ty trong thời gian tới:

- Bố trí 01 cán bộ chuyên trách "quan hệ đầu tư".
- Phát huy hơn nữa vai trò của Ban kiểm soát trong giám sát tổ chức hoạt động của công ty.
- Tăng cường quan hệ cổ đông đúng theo điều lệ, qui chế công ty và qui định của nhà nước.

2.5. Số lượng thành viên HĐQT, Ban Kiểm soát, Ban Giám đốc đã có chứng chỉ đào tạo về quản trị công ty:

- HĐQT: Có 6/7 thành viên đã có những chứng chỉ đào tạo về quản trị công ty.
- BKS: Có 2/3 thành viên đã có những chứng chỉ đào tạo về quản trị công ty.
- BGĐ: Có 5/5 thành viên đã có những chứng chỉ đào tạo về quản trị công ty

3. CÁC DỮ LIỆU THỐNG KÊ VỀ CỔ ĐÔNG:

2.1. Thông tin chi tiết về cơ cấu cổ đông: (theo danh sách do TTLKCK chuyển đến công ty ngày 15/3/2011)

		TS người sở hữu		*TS CK sở hữu*		*TS quyền phân bổ*	
		Đã lưu ký	*Chưa lưu ký*	*Đã lưu ký*	*Chưa lưu ký*	*Đã lưu ký*	*Chưa lưu ký*
Trong nước	Cá nhân	1,678	23	16,642,712	293,220	16,642,712	293,220
	Tổ chức	19	1	2,999,822	520,080	2,999,822	520,080
	Cộng trong nước	*1,697*	*24*	*19,642,534*	*813,300*	*19,642,534*	*813,300*
	Tỷ trọng	*98.6%*	*100.0%*	*96.0%*	*100.0%*	*96.0%*	*100.0%*
Nước ngoài	Cá nhân	21	-	768,652	-	768,652	-
	Tổ chức	3	-	44,470	-	44,470	-
	Cộng nước ngoài	*24*	*-*	*813,122*	*-*	*813,122*	*-*
	Tỷ trọng	*1.4%*	*0.0%*	*4.0%*	*0.0%*	*4.0%*	*0.00%*
Tổng cộng	Cá nhân	1,699	23	17,411,364	293,220	17,411,364	293,220
	Tổ chức	22	1	3,044,292	520,080	3,044,292	520,080
	Tổng cộng chung	*1,721*	*24*	*20,455,656*	*813,300*	*20,455,656*	*813,300*

2.2. Các cổ đông lớn của công ty:

TT	*Tên cổ đông*	*Địa chỉ đăng ký*	*Quốc tịch*	*TSCP sở hữu*	*% Sở hữu/TSCP*
1	**NGUYỄN HỮU DŨNG**	16/41/65 Nguyễn Thiện Thuật, P2, Q3, TP HCM	Viet Nam	1,063,920	*5.00%*
2	**PHẠM TRUNG CANG**	16/41/65 Nguyễn Thiện Thuật , P2, Q3, TP HCM	Viet Nam	1,840,560	*8.65%*
3	**CÔNG TY TNHH QUẾ TRÂN**	C7-C9, Cụm CN Nhựa Đức Hòa, Long An	Viet Nam	1,684,986	*7.92%*

2.3. Tình hình giao dịch liên quan của các "Cổ đông lớn":

TT	*Người thực hiện giao dịch*	*Quan hệ với cổ đông nội bộ/cổ đông lớn*	*Số cổ phiếu sở hữu đầu kỳ*		*Số cổ phiếu sở hữu cuối kỳ (31/12/2010)*		*Lý do tăng, giảm*
			Số cổ phiếu	**Tỷ lệ**	**Số cổ phiếu**	**Tỷ lệ**	
1	*Công Ty TNHH Quế Trân*	Cổ đông lớn	**1,208,780**	**6,1%**	**1.684.036**	**7,96%**	Do mua, bán và được chia CP thưởng

Chi tiết về danh sách và cơ cấu cổ đông được công bố trên website của công ty (theo danh sách được Trung Tâm Lưu Ký Chứng Khoán chi nhánh TPHCM chuyển đến công ty vào ngày 15/03/2011).

IX. THÔNG TIN KHÁC

1. NHỮNG HOẠT ĐỘNG TỪ THIỆN:

Công ty đã tham gia các cuộc vận động từ thiện ủng hộ cứu trợ đồng bào bị lũ lụt trong năm 2010 do Hiệp Hội Nhựa Việt Nam, Tỉnh Long An phát động; ủng hộ chăm lo Tết cho người nghèo tại huyện Đức Hòa Long An.

2. NHỮNG HOẠT ĐỘNG BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG:

- Công ty thu gom và tái chế và sử dụng lại 100% phế liệu phế phẩm, không xả nước thải vào môi trường *(hệ thống thoát nước chung của cụm công nghiệp)*, tất cả chất thải rắn khác đều được công ty thu gom, tập trung và hợp đồng với đơn vị có chức năng để xử lý *(kể cả tại khu lưu trú)*.
- Kết quả kiểm tra của các cơ quan chức năng tại nhà máy trong năm 2010 đã thừa nhận những hoạt động trên của công ty *(công ty cũng đang nghiên cứu việc sử dụng một số phụ gia có tác dụng làm bao bì tự phân hủy sau một thời gian sử dụng nhất định để làm cho một số sản phẩm "thân thiện hơn với môi trường")*.

3. NHỮNG HOẠT ĐỘNG ĐỐI NGOẠI VỚI NHÀ ĐẦU TƯ:

3.1. Trong năm 2010, HĐQT đã tổ chức làm việc với 02 công ty chứng khoán *(01 trong nước và 01 có vốn đầu tư nước ngoài)* và một số phóng viên báo chí để trao đổi và cung cấp thông tin *(theo đề nghị của các đơn vị này là muốn có thêm thông tin trực tiếp từ HĐQT và tìm kiếm cơ hội đầu tư)*.

3.2. Mặt khác, HĐQT đã trao đổi & trả lời trực tiếp và gián tiếp *(qua thư điện tử)* tất cả ý kiến của cổ đông nêu ra, tập trung vào một số nội dung như sau:

- Tại sao Công ty chấp nhận tăng chi phí thuê nhà máy *(từ tháng 7/2010)* mà không đầu tư mua lại nhà xưởng đang thuê hoặc xây dựng nhà xưởng mới để tạo tài sản cố định khi vẫn còn vốn thặng dư?
  Trả lời: HĐQT công ty đang nhờ một đơn vị chuyên ngành định giá một cách độc lập, đang tính toán cân nhắc khả năng tài chính và phương án khả thi, sẽ đưa ra ĐHĐCĐ xem xét quyết định cụ thể.

- Tại sao công ty ổn định và làm ăn hiệu quả mà thị giá TPC cứ giảm dần? Theo HĐQT thì cổ đông nên mua tiếp hay bán TPC?
  Trả lời: Thị giá TPC cũng như một số công ty khác đều chịu nhiều tác động chung trong TTCK, việc tăng giảm thị giá và khối lượng giao dịch của TPC là ngoài tầm tác động của HĐQT. HĐQT đảm bảo là công ty ổn định và hiệu quả, việc mua hoặc bán cổ phiếu là quyết định riêng của từng nhà đầu tư, HĐQT không thể nêu ra ý kiến về việc này.

- Tại sao công ty vẫn duy trì cổ phiếu ALT và EIB để tiếp tục chịu lỗ ?
  Trả lời: các cổ phiếu ALT và EIB thuộc danh mục đầu tư tài chính dài hạn, đã được ĐHĐCĐ công ty quyết định. HĐQT đã theo dõi sát sao tình hình thị giá và giao dịch của các cổ phiếu này, và sẽ đệ trình ĐHĐCĐ năm 2011 xem xét quyết định cụ thể.

- Đề nghị Công ty trả lời chính thức vì có tin đồn là phải chịu thuế môi trường vì sản xuất "túi nylon"?
  Trả lời: Công ty không sản xuất "túi nylon" và không chịu thuế môi *trường (đã công bố thông tin bất thường)*.

- Đề nghị Công ty trả lời chính thức là có bị lỗ hơn 0,5 tỷ trong kết quả hoạt động SXKD năm 2010?
  Trả lời: Báo cáo tài chính tóm tắt quí IV-2010 đã công bố thông tin là của công ty "Mẹ", do đã chủ động trích dự phòng giảm gia chứng khoán 2010. HĐQT đảm bảo là Công ty "hợp nhất" đã đạt vượt mức các chỉ tiêu kế hoạch năm 2010 và đề nghị cổ đông xem báo cáo tài chính đã kiểm toán. *(đã công bố thông tin bất thường)*.

Nhận định chung: HĐQT công ty đã trả lời kịp thời và thỏa đáng các ý kiến của các cổ đông đã nêu ra, sau khi có thông tin phản hồi, các cổ đông này không còn thắc mắc tiếp theo hay phàn nàn gì.

Công Ty Cổ Phần Nhựa Tân Đại Hưng, ngày 26/03/2011

CHỦ TỊCH HĐQT	TỔNG GIÁM ĐỐC
PHẠM TRUNG CANG	NGUYỄN VĂN HÙNG